

TÌM HIỂU TÍNH VĂN HỌC TRONG KINH PHÁP HOA QUA THẤT DỤ



Thất dụ đã lưu lại trong lòng mỗi chúng ta những ấn tượng sâu sắc, từ đó mở ra cho mỗi người những đóa sen nhỏ làm hành trang tiến bước trên con đường học, hành và hoằng với mong muốn cuối cùng vẫn là sự hạnh phúc cao thượng, sự an yên giải thoát cho mình và cho người từ chính cuộc đời.

Tác giả: **Thích nữ Hiễn Liên**
Lớp ThS Khóa V - Học viện PGVN tại TP.HCM

DẪN NHẬP

Nhắc đến kinh Diệu Pháp Liên Hoa là nhắc đến một bản kinh vô cùng hấp dẫn, đầy ý nghĩa, được cả thế giới kính ngưỡng, ứng dụng hành trì mà ở đó sự trí tuệ, từ bi của đức Như Lai được thể hiện trọn vẹn và dung hòa một cách hoàn hảo. Có thể nói, kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh Đại Thừa được phổ biến rộng rãi nhất. Tầm ảnh hưởng của kinh Pháp Hoa không chỉ dừng lại ở ý nghĩa, giá trị trong sự học tập, là phương châm, là chân lý cho biết bao thể hệ hành giả học Phật mà còn là một tác phẩm văn học mang tính nghệ thuật cao có tầm ảnh hưởng nhất định mà giới học thuật mỗi lần nhắc đến đều hết mực tán dương.

Với mục đích chủ yếu và tiên quyết là “*khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật Tri Kiến*” mà sự nhấn mạnh tư tưởng nhất thừa được xem là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cho tư tưởng của kinh, Thế Tôn đã thuyết bản kinh Pháp Hoa một cách đầy tính nghệ thuật nhưng lại vô cùng tự nhiên. Tính văn học của kinh Pháp Hoa đã trở thành biểu tượng mà các nhà học thuật, nhà nghiên cứu đã tốn không ít giấy mực để tìm hiểu. Ở kinh Pháp Hoa, điểm sáng tạo nên sức hút nổi bật, sự ấn tượng mạnh mẽ về mặt văn học chính là sự xuất hiện của thất dụ.

Nghiên cứu mỗi một tác phẩm đặc biệt là nghiên cứu kinh điển, điều tối kỵ là chấp chữ bỏ nghĩa, không hiểu được chân lý thực sự để ứng dụng hành trì. Tuy nhiên, nếu không đi lên từ văn tự, nương nơi câu kinh tiếng kệ để học và hiểu thì chúng ta biết lấy gì để thể hội được lời Phật dạy, ý Tổ truyền. Học và hành trì kinh Pháp Hoa cũng như vậy. Chỉ khi nào thật sự lãnh hội được sự xuất hiện của từng câu chuyện, từng thí dụ, ta mới chân chính hiểu được tinh thần của Pháp Hoa, mới có thể sống và hành theo tinh thần của Pháp Hoa.

A. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT KINH PHÁP HOA

Nghiên cứu về bất kỳ một tác phẩm nào đều cần đặt tác phẩm ấy vào lịch sử hình thành, vào hoàn cảnh cụ thể mới có thể tìm hiểu được một cách chính xác, chi tiết và toàn diện nhất. Đối với kinh Pháp Hoa càng phải như vậy, vì đây là một bộ kinh không chỉ mang giá trị cốt lõi có sức ảnh hưởng lớn đối với giới Tăng Ni Phật tử, mà đây còn là một tác phẩm nghệ thuật có tầm ảnh hưởng sâu sắc và sức lan tỏa rộng rãi đối với tất cả mọi người.

1. Lịch sử hình thành Kinh Pháp Hoa

Kinh Pháp Hoa là kinh được nhiều dân tộc trên thế giới tán ngưỡng, được xem là một trong những tác phẩm văn chương có giá trị nhất của Phật giáo thể hiện rõ qua tính ứng dụng của kinh. Không phải tự nhiên mà Thế Thân Bồ Tát cho kinh này là Tối thượng thừa, hay Trí Giả đại sư cho kinh này là một pháp nhiệm mầu có thể thống nhiếp tất cả các pháp.

Nghiên cứu về lịch sử hình thành kinh Pháp Hoa trải dài theo thời gian và trải rộng theo chiều sâu của Phật học, ta thấy được tầm quan trọng đến không thể thiếu của bộ kinh này cả về nội dung, cách ứng dụng hành trì, giá trị nghệ thuật và thấy rõ sự trân trọng, nâng niu và gìn giữ của biết bao thế hệ pháp sư, thiền sư, hành giả học Phật không phải là tự nhiên.

Về lịch sử bộ kinh, Hòa thượng Thích Trí Quảng khẳng định: “Như vậy, lịch sử kinh Pháp Hoa không phải là lịch sử tri thức con người, lịch sử của gạch vụn và xác khô. Nhưng là lịch sử của những người đang sống với bản tâm, không bị thân ngũ ấm ngăn che, vượt qua được không gian mười muôn ức thế giới và tự tại với thời gian ngũ bách ức trần.”.



Một số tài liệu cho rằng niên đại xuất hiện của kinh là khoảng thế kỷ thứ I SCN, tức là thời kỳ Phật giáo Đại Thừa đã phát triển mạnh tại các nước ở châu Á. Một số tài liệu khác lại nhận định kinh Pháp Hoa được thiết lập và hệ thống lại vào khoảng 100 năm trước Tây lịch thông qua các sự kiện như việc phát hiện ra bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Phạn viết trên lá bối, thờ trong một hang động đá (ta quen gọi là Pháp Hoa Népal) vào thế kỷ XIX; 19 bản Pháp Hoa chép tay bằng chữ Phạn được phái đoàn Nhật, Anh, Pháp, Đức phát hiện.

Năm 1932, một bộ Pháp Hoa cổ nhất được tìm thấy ở Kashmir, viết bởi chữ Phạn và Magadhi. Một số dữ kiện khác cũng chứng minh cho sự hiện hữu của bản kinh này là các tác phẩm xuất bản vào thế kỷ thứ nhất mang hơi hướng tư tưởng Pháp Hoa. Đến Thế Thân Bồ Tát cũng đã soạn ra bộ Pháp Hoa luận để làm nền tảng cho các chú giải sau này.

Thời điểm xuất hiện kinh Pháp Hoa còn nhiều tranh cãi. Tuy nhiên, điều này không hề ảnh hưởng đến ý nghĩa và giá trị của bản kinh này đối với đời sống tu tập, sức lan tỏa một cách mạnh mẽ cũng như là đóng góp không nhỏ của bản kinh đến với nền văn học, đối với sự nghiên cứu về mặt học thuật của thế giới. Nghiên cứu về lịch sử hình thành giúp ta có cái nhìn tổng quan hơn. Từ lịch sử hình thành ta mới có cái nhìn đúng đắn và toàn diện về quá trình truyền dịch và sự phân bố, nhằm làm rõ được tính văn học của bản kinh Pháp Hoa.

2. Quá trình truyền dịch và sự phân bố của Kinh Pháp Hoa

Khi nhắc đến quá trình phiên dịch và lưu truyền của bộ kinh Pháp Hoa thường thì người ta sẽ nghiên cứu theo dòng chảy thời gian để có được bức tranh tổng quan và sinh động mà ở đó thứ tự trước sau được thể hiện rõ. Tuy nhiên, để làm rõ mục đích bài viết hướng đến là phân tích giá trị văn học của bản kinh, việc trình bày theo chiều rộng của không gian địa lý hay nói cách khác là sự phân bố và truyền dịch của bộ kinh sẽ làm cho những giá trị văn học được thể hiện rõ, cũng như làm bật lên tính ứng dụng vốn là ưu thế của bản kinh này.

Kinh Pháp Hoa chữ Hán

Nhắc đến Chính Pháp Hoa Kinh, trong xuất Tam Tạng Ký Tập có đề cập đến sự kiện Ngài Pháp Hộ dịch Pháp Hoa vào đời Thái Khương năm thứ 7 tháng tám (286) một cách rõ ràng và chi tiết. Trong Đại Đường Nội Điển Lục cũng có đề cập đến sự kiện này như một sự kiện quan trọng, mang tính quyết định của lịch sử truyền dịch của Kinh Pháp Hoa.

Theo Chúng Kinh Mục Lục, kinh Diệu Pháp Liên Hoa gồm 7 quyển, do Ngài Cưu Ma La Thập dịch tại Trường An vào năm thứ 7 niên hiệu Hoàng Thủy đời Hậu Tần. Tuy vẫn còn một số thiếu sót, nhưng bản kinh này được giới học giả nhận định là tương đối hoàn chỉnh và đây là nền tảng quan trọng cho sự ảnh hưởng của bản kinh Pháp Hoa lúc bấy giờ.

Năm 601, những phần khiếm khuyết của bản kinh do Cưu Ma La Thập dịch đã được Quật Đa cùng với một số dịch giả đương thời khác bổ sung, hoàn thiện, lấy nhan đề là Thêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Sự hoàn thiện phần khiếm khuyết của các dịch giả đã cho ta thấy được tầm quan trọng, sự phổ biến và tính ứng dụng của kinh Pháp Hoa.

Ngoài ra, nhiều bản dịch thuật trước tác khác có thể kể đến như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (20 quyển), Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú (20 quyển), Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Sám (20 quyển), ... đánh dấu sự lưu truyền rộng rãi của bản kinh, như một minh chứng rõ ràng cho giá trị tuyệt vời của Kinh Pháp Hoa mà ở đó giá trị về văn học rất được chú trọng.

Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Việt Nam

Việc truyền dịch kinh Pháp Hoa ở Việt Nam với sự trích dịch phẩm Thí Dụ với tên Phật Thuyết Tam Xa Dụ của Ngài Khương Tăng Hội đã trở thành minh chứng cho việc kinh Pháp Hoa xuất hiện ở Việt Nam còn sớm hơn cả Trung Quốc. Lịch sử hình thành kinh Pháp Hoa ở Việt Nam rất mạnh mẽ, trải qua ba thời kỳ và có những đóng góp không nhỏ trong việc học, hành, truyền thừa dẫn đến sự thông dụng của kinh Pháp Hoa ở Việt Nam.

Theo nhiều sử liệu Trung Hoa, thì thông qua đạo tràng phiên dịch ở giao Châu (Hà Nội) dưới sự hợp tác của dịch giả Việt Nam, Ấn Độ, ... đã cho ra bộ Pháp Hoa sáu quyển bằng chữ Hán. Việc cho ra đời bộ kinh bằng Hán văn ấy đã làm cho đạo tràng này càng ngày càng thêm “tỏa sáng” ở Việt Nam và ở cả các diễn đàn Trung Quốc đương thời.

Với tinh thần độc lập, yêu nước, và mong muốn thoát ly ảnh hưởng văn học Bắc thuộc, các Nhà sư Việt Nam đã dùng ký hiệu quốc âm đã cho ra Bộ Quốc Dịch Pháp Hoa kinh bằng chữ Nôm. Điều này một lần nữa thể hiện tinh thần dân tộc, óc sáng tạo của tiền nhân. Hiện nay, bộ Quốc Dịch Pháp Hoa kinh ấy vẫn còn được giữ tại Đông Dương văn khố Tokyo.

Sau này, dưới sức ép của Pháp, phải phụ thuộc văn hóa Pháp và phải dùng lối ký âm Latin cư sĩ Đoàn Trung Còn soạn ra bộ Pháp Hoa bằng Quốc Âm thông qua việc đối chiếu hai bản dịch của Pháp và Hán. Sau đó, Hòa thượng Trí Tịnh cũng đã dùng âm Latin và dịch nghĩa bộ Diệu Pháp Liên Hoa để giúp các nhà tân học tiện việc trì tụng và nghiên cứu.

Qua những sự kiện tưởng chừng như ít ỏi trên, ta thấy rõ, Pháp Hoa đã đồng hành cùng những sóng gió và sự trưởng thành của Việt Nam mà ở đó biểu tượng tình thương đầy trí tuệ của bản kinh luôn luôn là điểm sáng. Pháp Hoa trở thành nguồn sống của dân tộc ta, dân ta cũng đã đóng góp không nhỏ trong việc phát huy và truyền bá tư tưởng Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa các tiếng khác

Đây là một bản kinh hết sức uyên áo cả về giá trị văn học lẫn triết thuyết hàm ẩn. Vì thế, kinh này được giới dịch giả phiên dịch, chú giải rất nhiều bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Quá trình truyền dịch ra các thứ tiếng có thể nói là rất phong phú và vô cùng sôi nổi, mà ở đó tinh thần Pháp Hoa không chỉ được duy trì vẹn nguyên mà còn được ứng dụng rộng rãi.

Thế kỷ VIII, bộ Pháp Hoa bằng tiếng Tây Tạng được dịch. Người Tây Hạ dịch kinh Pháp Hoa ra tiếng bản xứ vào thời Tống và hiện nay vẫn còn được lưu giữ tại Đông Dương văn khố Nhật Bản. Tuy chưa được xác định rõ về thời gian những bản Kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mãn Châu dịch từ Diệu Pháp Liên Hoa của Cư Ma La Thập được xác nhận là bộ Pháp Hoa duy nhất nằm trong bộ Ngự Dịch đại tạng kinh của vua Càn Long đời Thanh.

Cũng vậy, bản kinh Pháp Hoa bằng tiếng Mông Cổ hiện tại đang được lưu hành và sử dụng một cách rộng rãi tuy không xác định được thời gian nhưng được nhận định là dịch ra từ bản kinh bằng tiếng Tây Tạng hoặc chí ít là một bản chữ Phạn khác tương đồng với bản kinh Tây Tạng vì cách thức bố cục cũng như nội dung về cơ bản là tương đương nhau.

Hiện nay có 4 bản dịch kinh Pháp Hoa bằng tiếng Anh được lưu truyền thể hiện rõ nhu cầu đối với kinh Pháp Hoa trên cả thế giới. Bản gần đây nhất bằng tiếng Anh do Senchu Murano dịch từ bộ Diệu Pháp Liên Hoa của Ngài Cư Ma La Thập, được xuất bản năm 1974. Còn về tiếng Pháp, hiện nay có một bộ duy nhất được dịch từ bộ Phạn ngữ Népal hiện đang lưu hành. Bản kinh này còn được cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch ra Tiếng Việt vào năm 1937.

Ngoài ra, các nước như Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật,... đều có lưu truyền các bản kinh Pháp Hoa được dịch ra từ hai bản kinh Pháp Hoa Népal và Tây Vực. Phần giới thiệu tổng quát sơ lược này với những dự kiến về sự truyền dịch và phân bố rộng khắp của kinh Pháp Hoa, phần nào chứng minh được mức độ phổ biến và tính ứng dụng cao của bản kinh đối với thế giới trong đó có Việt Nam mà ở đó tính văn học của bản kinh rất được đề cao.

3. Tôn chỉ của kinh Pháp Hoa

Kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh tiêu biểu của Phật giáo Đại Thừa thời kỳ đầu. Kinh này không chỉ có hệ thống lớn, nội dung kinh rất phong phú, hàm ý sâu sắc mà văn tự cũng rất lưu loát, trôi chảy. Điểm sáng nổi bật của kinh Pháp Hoa chính là tính hàm súc với những ý tưởng độc đáo, nghĩa lý thâm áo lại mẫu nhiệm đã được kết tinh bằng những chất liệu từ sự từ

bi lại vô cùng trí tuệ của đức Như Lai suốt 45 năm thuyết pháp độ sinh.

“Tur tưởng chủ yếu của bộ kinh này là giới thiệu ‘tính không quán’ trong Bát nhã Đại Thừa, tức tuyên thuyết vạn vật thiên sai vạn biệt trong thế gian, bản chất chân thật duy nhất của chúng là thật tướng các pháp vốn là chân như, pháp tính và tướng không.” Mục đích của bản kinh không gì ngoài hy vọng chúng sinh trong quá trình tu hành mong an vui hiện tại, giải thoát tương lai có thể lìa các thức, thấu triệt thật tướng mới có thể thành tựu Phật quả.

Nói đến tôn chỉ của Pháp Hoa là nói đến tính nhập thế được thể hiện rõ qua câu nói *“khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến”*. Ở Pháp Hoa ta thấy được chính pháp cao siêu mầu nhiệm và thiết thực ẩn dưới những phương tiện vô cùng thiện xảo mà biểu hiện của nó sự hấp dẫn lôi cuốn nhưng không kém phần mộc mạc giản dị của ngôn ngữ. Bất cứ ai khi tiếp cận, trì tụng, thực hành theo tinh thần của Pháp Hoa đều sẽ nhận được những món quà vô giá đó là nhựa sống tinh thần, giúp mỗi người đều được hạnh phúc và giải thoát.

Không thể không nhắc đến ở Pháp Hoa là *“giáo lý nhất thừa”*. Giáo lý này được nhấn mạnh một cách triệt để, cốt để bật lên tư tưởng thù thắng: *“Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính”*, với mục đích giúp cho chúng sinh thể nhập Phật tính thanh tịnh. Giáo lý nhất thừa của kinh Pháp Hoa đã hình thành một hệ thống giáo lý uyên bác, bình đẳng, thâm áo và uyển chuyển, với mục đích duy nhất là phá tan mọi quan niệm cố chấp cứng nhắc về quả vị chứng ngộ của hàng Nhị thừa còn hạn cuộc trong Tứ thánh quả, Bồ Tát thừa.

“Các Phật Lưỡng Túc Tôn

Biết Pháp thường không tính

Giống Phật theo duyên sinh

Cho nên nói Nhất thừa”

“Tùy duyên bất biến” cũng là một trong những tôn chỉ quan trọng, luôn được đề cập đến khi nói đến kinh Pháp Hoa. Pháp Hoa với những giáo lý thâm sâu vi diệu khó để nghĩ bàn những lại tùy duyên khéo hóa độ phù hợp theo từng thời kỳ, mọi tầng lớp trong xã hội nhất là trong thời ác trược tội dày phước mỏng này. Nói đến Pháp Hoa là nói đến tinh thần hòa nhập nhưng không hòa tan, nơi những giá trị cao quý mà Phật dạy luôn được giữ gìn.

Giáo nghĩa của Pháp Hoa vô cùng uyên áo nên được giới trí thức nghiên cứu rất sâu rộng. Có rất nhiều công trình được diễn ra với hy vọng làm rõ giá trị về nghệ thuật cũng như là nội dung của bản kinh vừa thâm sâu huyền diệu vừa dung dị gần gũi này. Không chỉ dừng lại ở nghiên cứu, giá trị tuyệt vời của Pháp Hoa được ứng dụng rộng rãi mà đỉnh cao nhất đó là hình thành Pháp Hoa tông lấy nội hàm của kinh làm tôn chỉ chính để tu tập, hành trì.

CHƯƠNG 2: TÍNH VĂN HỌC TRONG KINH PHÁP HOA

“Về mặt học thuật, kinh Pháp Hoa còn là một thể tài chứa đựng những tư tưởng phong phú, tạo sự thích thú cho các học giả khắp thế giới.” Pháp Hoa là bộ kinh nổi bật nhất trong hệ thống giáo điển Đại Thừa cả về nội dung lẫn hình thức. Xuyên suốt bộ kinh này Đức Phật dùng

rất nhiều thủ pháp nghệ thuật trong văn học. Đó là điểm nổi bật mà khi nhắc đến Pháp Hoa giới học giả trí thức không thể không ngợi ca biểu tỏ lòng thán phục.

1. Đề kinh và bố cục

Đề kinh Pháp Hoa là kết tinh của trí tuệ.

Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch đề kinh là Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Đề kinh được tạo bởi hai từ Diệu Pháp và Liên Hoa là cả một sự trí tuệ mà ở đó cả về triết lý và pháp hành đều được thể hiện rõ. Có thể nói nội dung cốt lõi của kinh đã được hàm chứa trong nhan đề Diệu Pháp Liên Hoa: “*Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là dụ. Theo kinh Pháp Hoa, Diệu Pháp là tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sinh, còn gọi là pháp thân thanh tịnh hay Phật tính*”.

Nghiên cứu kinh Pháp Hoa giống như nghiên cứu một viên kim cương, vô cùng rực rỡ và tùy góc độ mà hiện sắc khác nhau. Nếu kinh Pháp Hoa là một viên kim cương sáng thì tựa kinh như đỉnh chóp của viên kim cương, vừa bén nhọn, vừa sáng chói. Chiêm nghiệm đề kinh ta thấy được ý nghĩa tuyệt vời của kinh hàm chứa trong tựa kinh ngắn gọn đến không thể hàm xúc hơn. Ta không thể không cúi đầu thán phục trước trí tuệ tuyệt vời ấy.

Diệu Pháp là chỉ cho diệu nghĩa của giáo pháp. Pháp ấy tuyệt diệu không gì sánh ví, mâu nhiệm không thể nghĩ bàn, vượt ngoài ngôn ngữ suy lường. Diệu Pháp suy cho cùng chính là Phật tính hay tri kiến Phật. Diệu Pháp ở đây ngoài chỉ cho pháp Tứ đế vốn là chân lý của cuộc sống, còn nói đến Duyên khởi như một nội dung tư tưởng quan trọng xuyên suốt.

Liên Hoa là hoa sen, biểu trưng cho sự thanh khiết, thanh cao, không loài hoa nào vượt hơn. Đặc điểm của hoa sen là từ bùn mọc lên, nhưng chẳng nhiễm mùi bùn, còn tỏa ra một hương thơm thanh khiết, đầy đủ gương hạt. Từ đặc tính đáng quý này mà Đức Phật dùng hình ảnh hoa sen để dụ cho Diệu Pháp của Ngài, xuất phát từ cuộc sống, nhưng không bị nhiễm ô mà còn tỏa ánh sáng chân lý, giúp người, giúp đời đạt được giải thoát, an vui.

“Trần trần sát sát Như Lai

Chúng sinh mỗi người mỗi có Hoa Sen

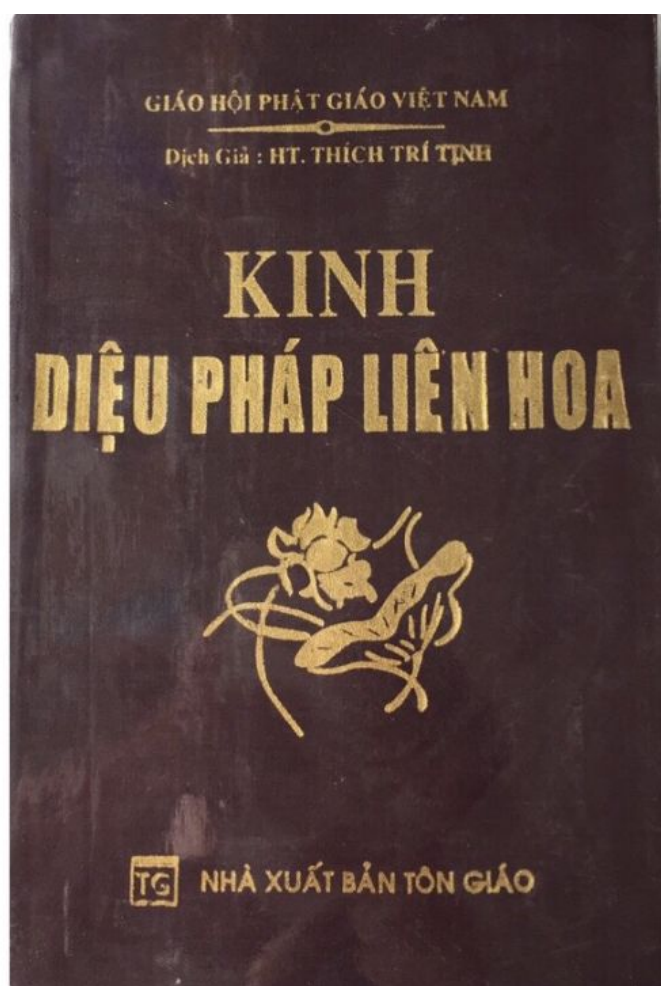
Hoa là bản tính trạm viên

Bao hàm trời đất dưới trên cùng bằng

Hậu học đã biết hay chẳng

Tâm hoa ứng hiện miệng nói năng mọi lời.”

Ngoài ra, hoa sen còn được ví như căn cơ cao thấp của chúng sinh. Đức Phật quan sát căn tính chúng sinh nhận thấy hoa sen có những hoa vượt lên khỏi mặt nước hé nụ trở hoa, có những sen còn đang trong nước, những cũng có những sen còn ở trong bùn. Tất cả những sen ấy trước sau đều đồng nở và tỏa hương thanh khiết. Chúng sinh cũng thế, tuy chặng đường tu tập giác ngộ có nhiều sai khác những tri kiến Phật vốn đồng không sai khác.



Ở tựa kinh ta thấy rõ nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ, sự lồng ghép tư tưởng thâm sâu dưới những câu chữ tưởng chừng dung dị đến không thể giản đơn hơn, kết hợp khéo léo với đó là những hình ảnh gây sức mở cả về sự suy tư lẫn sự ghi nhớ. Chỉ với tựa kinh, ta thấy ra sự những hình ảnh ấy, những biện pháp nghệ thuật được sử dụng vô cùng thuần thực, đem lại tác dụng vô cùng to lớn mà trên cả là mong muốn thông qua chúng, hàng hậu học có thể thật sự thông hiểu được giáo lý thâm diệu để ứng dụng tu trì để đạt được lợi ích thiết thực.

Bố cục kinh Pháp Hoa là sự sắp đặt hoàn hảo.

Không chỉ dừng lại ở ngôn ngữ Pháp Hoa, cả bố cục của bản kinh cũng là một nét nghệ thuật quan trọng, mà nếu ta không nghiêm túc nghiên cứu sẽ khó lòng làm rõ được hết những giá trị văn học cũng như ý nghĩa kinh Pháp Hoa mang lại. Có rất nhiều cách phân chia kinh Pháp Hoa về bố cục. Tuy nhiên, trong bài viết lần này, người viết xin được đề cập đến bố cục theo quan điểm của Thiên Thai Tông: Gồm hai phần Tích môn và Bản môn.

Ta có thể hiểu, “sự hóa độ của Đức Phật có dấu tích, hiện hiện ra giữa trần gian cho chúng sinh nghe được thấy được rõ ràng, gọi là tích môn”. Phần Bản môn là “nói đến những cảnh giới vượt ngoài tầm hiểu biết thông thường của người phàm”. Sự phân biệt rõ ràng hai phần như vậy, không gì ngoài mong muốn sự học hiểu, sự tiếp thu kinh Pháp Hoa của hành giả được trọn vẹn và tránh đi phần sai lạc và lầm chấp không đáng có mà ở đó sự mắc kẹt vào hình

thức hay bỏ qua hình thức đều là hai trạng thái thiên lệch cần phải tránh xa.

Vào Tích môn là vào hình thức. Phần đầu Pháp Hoa, Đức Phật giảng Tích môn, đây là minh chứng cho sự cần thiết, tầm quan trọng của hình thức trong sự tu và hoằng pháp. *“Nhưng hình thức phải thâm nhập vào nội dung, vì nội dung mới quan trọng, còn hình thức chỉ là mượn tạm thôi để giúp chúng ta đạt được sở đắc sở chứng trên con đường đạo.”*

Không giống với những kinh khác, khi bắt đầu Đức Phật không vào ngay kinh Pháp Hoa mà thuyết kinh Vô lượng nghĩa là một điểm đặc biệt cả về hình thức lẫn ý nghĩa. Về bố cục, phần thuyết giảng đặc biệt này tạo một điểm nhấn ấn tượng vừa thu hút lại vừa gợi mở. Về ý nghĩa, Vô lượng nghĩa kinh như một sự chuẩn bị hoàn hảo cả về tâm thế lẫn trình độ của người nghe, tạo nên thành công cho bản Kinh Pháp Hoa cả về văn học lẫn Phật học.

Toàn bộ bản kinh Pháp Hoa được viết bằng văn xuôi và kệ tụng song nó vẫn tiêu biểu cho một sự phát triển cao về lãnh vực văn chương của Phật giáo Đại Thừa. Những đoạn văn xuôi ngắn gọn và những kệ tụng pha trộn và hòa nhập vào nhau. Những đoạn văn xuôi ngắn gọn này lại được mở rộng như là phương ngữ của những vần kệ và dần dần trở nên thuần túy hoàn toàn. Những đoạn văn xuôi ở đầu của mỗi phẩm và phần lớn được kết thúc bằng thể loại kệ tụng ở cuối phẩm đã cho chúng ta thấy rõ một kỹ nguyên thịnh hành cao độ về nghệ thuật mà ở đó sự sử dụng ngôn ngữ một cách điêu luyện đã trở thành nét đặc sắc.

Trình tự xuất hiện của mỗi một bộ phận trong kinh Pháp Hoa đều mang dụng ý nhất định tạo thành sự hoàn hảo của kinh Pháp Hoa cả về hình thức lẫn nội dung và cả ý nghĩa ẩn sâu bên trong. Nghiên cứu về bố cục của kinh Pháp Hoa ta như nhận thấy trí tuệ cao tột của Đức Thế Tôn cũng như tình thương bao la của Ngài đối với mỗi một chúng sinh.

2. Ngôn ngữ và tính đặc thù

Ngôn ngữ kinh Pháp Hoa không chỉ dừng ở văn tự

Mục đích của ngôn ngữ với con người là biểu đạt, diễn đạt, hình dung, là phương tiện câu thông giữa người với người, tư tưởng với tư tưởng. Tuy vậy, ngôn ngữ chỉ mang tính chất tương đối và có phần hơi phiến diện. Trong khi đó chân lý thì toàn diện và siêu việt, có ý nghĩa tuyệt đối. Cho nên, dù sử dụng ngôn ngữ khéo léo và linh hoạt đến như thế nào cũng không sao có thể truyền tải được hết những giá trị tuyệt vời của chân lý, của sự thật.

Không nằm ngoài định luật ấy, nếu nói đến ngôn ngữ văn tự của kinh Pháp Hoa, ta sẽ thấy được lối diễn đạt đầy tính bình dị, gần gũi, dễ nhớ và dễ đi sâu vào lòng người. Thế những, chỉ dừng lại ở văn tự khi tìm hiểu về ngôn ngữ của Pháp Hoa là chưa đủ. Ngôn ngữ kinh Pháp Hoa sử dụng, mục tiêu hướng đến không phải là những sự kiện hiện diện ở bên ngoài mà chính là sự thật chứa đựng ở bên trong vốn là tinh túy của bản kinh này. Đó là ngôn ngữ mang tính biểu tượng, hay nói cách khác, ngôn ngữ Pháp Hoa là ngôn ngữ biểu tượng.

Chúng ta cần phân biệt giữa ngôn ngữ biểu tượng và hình ảnh biểu tượng. Hình ảnh biểu tượng xuất hiện ở gần như tất cả các bản kinh. Còn về ngôn ngữ biểu tượng, có thể nói đây là thức ngôn ngữ đặc thù của kinh tạng Đại Thừa. Ngôn ngữ biểu tượng được dùng trong kinh

Pháp Hoa nói riêng, kinh điển Đại Thừa nói chung là thứ ngôn ngữ mang hình tượng nhưng có thể thoát hẳn ra khỏi hình tượng ấy để diễn đạt về những ý nghĩa không mang tính hình thức và không chỉ dừng lại ở đấy mà được nâng lên tới một tầm mức siêu hình.

Hơn thế, ở ngôn ngữ kinh Pháp Hoa, ta thấy rõ cấu trúc và hoạt cảnh của ngôn ngữ biểu tượng đều thuộc về siêu hình học. Ngôn ngữ Pháp Hoa, có thể xem như một hình thức của hiện tượng luận, không hình thức, đầy tính ý nghĩa, biểu tượng. Do đó mà nếu học tụng kinh Pháp Hoa với tâm thế ràng buộc bởi hình thức của kinh, đồng nghĩa hành giả đã rơi vào một sai lầm nào đó, mà nếu không điều chỉnh sẽ không hiểu được tinh thần Pháp Hoa.

Vì vậy, ngôn ngữ Pháp Hoa diễn đạt mục tiêu không phải là sự kiện, mà chính là sự thật ẩn chứa ở bên trong. Nói cách khác, ngôn ngữ Pháp Hoa là ngôn ngữ biểu tượng và giàu tính văn học. Cũng vì điều đó mà chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định một điều là: *“chân lý trong kinh Pháp Hoa không phải là một thứ chân lý chết cứng vô hồn; mà đó là lý tưởng; là chân lý bừng sáng, thơm ngát và kết hạt như hoa sen, là chân lý tích cực, chân lý được hóa thân trong Đức Phật, là Pháp thân, là tự thân Giác ngộ, Năng giác và Sở giác là một.”*

Tính đặc thù đậm chất “Pháp Hoa”

“Phật điển từ khi truyền vào Trung Quốc, vì tính đặc thù về hình thức và nội dung của thể loại văn học này, đã tạo sự hấp dẫn và chú ý rất lớn đối với văn nhân rất lớn”. Không nằm bên ngoài điều đó, kinh Pháp Hoa tạo ra được tiếng vang rất lớn cả về hình thức và nội dung mà ở đó sự đặc thù của nó chính là điểm nhấn không chỉ đối với Tăng Ni Phật tử mà còn cả với giới học thuật, tạo ra trào lưu nghiên cứu Pháp Hoa vô cùng sôi nổi.

Tính đặc thù của văn học trong kinh Pháp Hoa chủ yếu sử dụng hình thức đối thoại kết hợp miêu tả nhân vật và đặc biệt nhất là nghệ thuật thí dụ. Nét đặc thù ấy gây ấn tượng ở chỗ đây là một phương pháp dạy dỗ đồ chúng vừa trực tiếp lại vô cùng gián tiếp. Bằng những hình ảnh rất bình thường gần gũi nhưng nếu dùng tâm cảm nhận thì nó lại hàm chứa những triết lý huyền diệu, thâm sâu, ý nghĩa. Điều đặc biệt hơn nữa là những tiết lý ấy được truyền tải bởi những phương thức, những hình ảnh độc lập, mới mẻ và không bao giờ trùng lặp.

Tính đặc thù của kinh Pháp Hoa còn thể hiện ở các tình tiết hoang đường với nội dung không hề hợp lý với thực tế. Sự cường điệu hóa ấy làm cho bản kinh mang màu sắc nghệ thuật rất kỳ diệu, phối hợp cùng ngòi bút linh hoạt làm cho tác phẩm có thể làm cảm động lòng người. Bên cạnh đó, sự hoang đường ấy làm nổi bật thủ pháp miêu tả vốn là điểm nhấn trong các bản kinh Phật giáo Đại Thừa mà kinh Pháp Hoa vốn là tiêu biểu nhất.

Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ, bố cục, các hình ảnh, các phương pháp nghệ thuật,... tất cả những điều đó tạo nên một nét rất riêng, một sự đặc thù đến cá biệt mang đậm hơi hướng Pháp Hoa khiến cho ta không thể nhầm lẫn với bất cứ bản kinh, bất cứ tác phẩm nào khác. Sự đặc thù ấy chính là nhân tố vô cùng quan trọng góp phần làm biểu đạt giá trị chân lý cao tột, mang tính ứng dụng tuyệt đối vốn là mục đích chính của bản kinh.

3. Các nghệ thuật đặc biệt

Nghệ thuật thí dụ

Nghệ thuật thí dụ là một trong mười hai thể tài văn học Phật giáo. Đây là phương pháp mượn cái này để nói đến cái kia. Nói một cách dễ hiểu hơn đó là pháp phương tiện với mục đích giúp cho người khác hiểu được ý nghĩa hàm ẩn thông qua từng ví dụ: *“Thí là so sánh, dụ là để hiểu, tức lấy việc gần mà so sánh, khiến nơi pháp sâu xa được hiểu rõ”*.

Như vậy, giới văn học sử dụng nghệ thuật này để biểu dương ý nghĩa mà mình muốn truyền đạt. Trong kinh Pháp Hoa cũng thế, Đức Phật muốn đồ chúng tiếp cận kinh văn một cách dễ dàng nên Ngài dùng vô số phương tiện quyền xảo nhằm lột tả tông chỉ cốt yếu để chúng sinh ứng dụng tu tập, chuyển hóa nỗi khổ niềm đau, đoạn trừ lậu hoặc, đạt được giải thoát.

Song song đó, các nhà nghiên cứu học thuật cho rằng Đức Phật đã sử dụng thủ thuật tự thể nghiệm bản thân. Có nghĩa là Đức Phật đã thành tựu các pháp ấy rồi mới chỉ dạy cho chúng sinh, chứ không phải Ngài dạy trên ngôn ngữ suông. Trong phẩm Phương Tiện, Đức Phật cũng đã khẳng định điều đó: *“Từ Ta thành Phật đến nay, các món nhơn duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sinh, làm cho xa lìa lòng chấp. Vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và Ba-la-mật”*. Trong kinh Tăng Chi đã định nghĩa Như Lai như sau: *“Này các Tỳ kheo, Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.”*

Chúng ta có thể khẳng định kinh Pháp Hoa là một trong những giáo điển dùng thủ thuật thí dụ để khuyến giáo vô cùng tuyệt diệu mà cụ thể nhất là ở bảy thí dụ. Bởi lẽ, trong một hội chúng đông đảo với đầy đủ các hạng người, thế nhưng mỗi một ví dụ mà Đức Phật đưa ra đều thích ứng và mang niềm pháp hỷ vô biên đến từng cá nhân. Điều đó được ví như các dòng sông khi chảy riêng lẻ thì nó mang tên gọi độc lập nhưng một khi trăm sông đổ về biển thì bấy giờ chúng chỉ còn một tên đó là biển. Tính văn học đặc thù này trong kinh Pháp Hoa sẽ được làm rõ hơn trong thất dụ mà bậc Toàn Giác đã phương tiện tuyên thuyết.

Với thủ pháp dùng một hình ảnh cụ thể, một trường hợp điển hình để minh họa cho một vấn đề nào đó được đưa ra, nội dung thất dụ của kinh Pháp Hoa được truyền tải rõ nét nhất. Điều đó nhằm đảm bảo tính trong sáng xúc tích và đem lại hiệu quả cao cho người nghe. Việc sử dụng những hình ảnh mang tính đặc trưng, nhằm chuyển hóa tâm thức chúng sinh từ thấp đến cao, đạt được sự giác ngộ giải thoát. Mỗi lời kinh tiếng kệ đều ghi nhận một hình ảnh sinh động, cụ thể để lại dấu ấn tâm linh cho người tiếp nhận thông qua những hình ảnh thí dụ tiêu biểu, từ đó ý nghĩa kinh sẽ phát huy tác dụng một cách hiệu quả nhất.

Nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ

Ẩn dụ và hoán dụ là những nghệ thuật rất khó sử dụng, tuy nhiên nếu sử dụng khéo léo sẽ đem lại sức bật lớn cho tác phẩm, sự mở cho ngôn ngữ, từ đó đem lại những hiệu quả đầy bất ngờ. Song song với nghệ thuật so sánh (thí dụ), thì nghệ thuật ẩn dụ hoán dụ được Đức Phật sử dụng rất nhuần nhuyễn mà ở đó nghệ thuật miêu tả và tự sự luôn thể hiện được rõ nét giá trị văn học của nó. Điều này đem lại nét hấp dẫn đặc biệt cho bản kinh Pháp Hoa.

Nói đến thủ pháp ẩn dụ thì đây vừa là thủ pháp nghệ thuật đồng thời cũng là hiện tượng tư duy. Biện pháp tu từ này hoạt động dựa trên nguyên tắc ẩn đặc tính ý nghĩa của một đối tượng này dưới một đối tượng khác tương đồng hoặc tương phản mở ra khả năng vô tận cho việc nhìn ra nét ý nghĩa ẩn dưới, cũng như tạo được sự tò mò dẫn đến suy tư. Thủ pháp ẩn dụ được sử dụng rất nhiều trong bầy dụ. Cũng chính vì thế mà bảy câu chuyện của bản kinh Pháp Hoa tạo được nhiều sự thích thú, sự suy tư cũng như sự tranh luận đến thế.

Bằng lối so sánh ngầm cộng với tình tiết câu chuyện thủ vị, bản kinh Pháp Hoa đã thực sự thành công lôi cuốn sự suy nghĩ, tìm tòi, học hỏi của người đọc. Thủ pháp nghệ thuật ẩn dụ này xuất hiện ở bảy thí dụ như một nét đặc biệt tạo điểm nhấn của kinh Pháp Hoa.

So với ẩn dụ, thủ pháp nghệ thuật hoán dụ ít xuất hiện hơn. Tuy nhiên, không vì thế mà giá trị văn học của thủ pháp này trở nên yếu thế. Hoán dụ khá tương đồng với ẩn dụ về mục đích sử dụng. Chúng được vận dụng vào tác phẩm với mục đích tạo sức liên tưởng, tạo được sức mở cho những hình ảnh của câu chuyện, từ đó tạo điểm nhấn đặc biệt cho ý nghĩa câu chuyện. Khác với ẩn dụ, hoán dụ không ẩn ý nghĩa dưới một đối tượng khác mà hoán đổi cho một đối tượng khác với yêu cầu bắt buộc là hai đối tượng phải có sự liên quan.

Trong Pháp Hoa, hoán dụ thường xuất hiện kèm với ẩn dụ, hoặc là bổ sung cho những ý nghĩa mà thủ pháp ẩn dụ không làm được, hoặc là phối hợp với ẩn dụ để nhấn mạnh ý nghĩa cần được lưu ý. Đối với bảy thí dụ trong kinh Pháp Hoa, hoán dụ là yếu tố nghệ thuật quan trọng không thể thiếu. Nhờ sự xuất hiện của yếu tố nghệ thuật tương chừng không nổi bật này mà những câu chuyện được hiện lên với đầy đủ ý nghĩa của nó mà ở đó nét hấp dẫn, sự ấn tượng cũng như sức mở về chiều sâu luôn được thể hiện rõ ràng và cụ thể nhất.

Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả phóng đại

Tự sự và miêu tả là hai yếu tố được sử dụng xuyên suốt và vô cùng quan trọng của thất dụ trong kinh Pháp Hoa. Với lối kể chuyện giản dị, trực tiếp kết hợp với nghệ thuật miêu tả tỉ mỉ, có chiều sâu mà điểm nhấn là sự phóng đại có phần huyền huyền đã tạo nên nét độc đáo đầy cuốn hút của bản kinh Pháp Hoa mà cụ thể là bảy câu chuyện đầy sức mở này.

“Nếu so sánh với câu chuyện ngụ ngôn trong Kinh Thí Dụ, thì Pháp Hoa thất dụ thể hiện hình thái phát triển hơn nhiều.” Nói cụ thể hơn, Kinh Pháp Hoa đã sử dụng thủ pháp hình dung lặp đi lặp lại nhiều lần, không chỉ vậy còn cực lực vận dụng nghệ thuật miêu tả quá sự thật, thể loại truyện dài, cấu tứ càng khéo léo, cách miêu tả cũng tinh tế hơn, đồng thời cũng chú trọng màu sắc đẹp đẽ. Tất cả những điều đó tạo nên một bản kinh đầy hấp dẫn.

Với nghệ thuật tự sự và yếu tố miêu tả phóng đại vốn không có gì xa lạ lại tạo nên sự ấn tượng không ngờ đến mà ở đó ý nghĩa của bản kinh được truyền tải một cách trọn vẹn và lưu lại dấu ấn đặc biệt. Kinh Pháp Hoa là bản kinh của những câu chuyện đầy sức mở, là chỗ của những ý nghĩa được phơi bày, là nơi của những chân lý được thăng hoa và là mảnh đất màu mỡ để những giá trị văn học được sinh sôi, đâm chồi, phát triển và tiếp nối.

CHƯƠNG 3: TÍNH VĂN HỌC QUA THẤT DỤ

Hồ Thích – học giả người Trung Quốc đã nhận định rằng: *“Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tuy chẳng phải là tiểu thuyết, nhưng đó quả thật là một bộ kinh phong phú và đầy lí thú về tính văn học.”* Và quả thật, bản kinh Pháp Hoa sử dụng thuần thực khéo léo các thủ pháp nghệ thuật cùng với các phương pháp biểu đạt mà nổi trội hơn cả là ngụ ngôn ưu mỹ nhất, cũng chính là bảy câu chuyện thí dụ của kinh Pháp Hoa, đầy tính lí thú cả về văn học lẫn ý nghĩa.

Đây là bộ phận sáng nhất về ý nghĩa và mạnh mẽ nhất về tính văn học, cũng chính là đặc điểm sinh động nhất của bản kinh này. Thay vì phân tích từng thí dụ như sự hiện diện vốn dĩ của nó, người viết mạnh dạn gom nhóm các dụ theo các nét tương đồng về ý nghĩa cũng như nghệ thuật với hy vọng không gì hơn là làm rõ nhất có thể tính văn học cũng như giá trị ứng dụng của mỗi dụ nói riêng và của mỗi dụ trong tập thể bảy dụ nói chung.

1. Hỏa Trạch dụ, Cùng Tử dụ, Y Châu dụ

Hỏa Trạch dụ chính là thí dụ về căn nhà mục nát bị bốc cháy vốn rất nổi tiếng. Ngôi nhà của đại trưởng giả vô cùng độ sộ, nhiều ruộng vườn và tôi tớ. Nhà tuy rộng lớn nhưng chỉ có một cửa duy nhất. Tình tiết quan trọng của dụ này chính là khi nhà lớn bị bốc cháy dữ dội. Những người con của ông trưởng giả vẫn mãi vui chơi trong căn nhà ấy mà chẳng hay biết gì, vì chẳng hay biết nên một ý niệm sợ hãi cũng không có. Điều kỳ lạ là đến khi phát hiện ra lửa cháy sát bên mình, dù đau khổ quẩn bách nhưng những người con này lại chẳng hề chán ghét ngôi nhà lửa này, chẳng hề có ý định phải bỏ chạy ra ngoài để thoát lửa.

Lúc ấy, trưởng giả vì lòng mong muốn cứu con, lại biết rõ sở thích của chúng mới đem các loại trân báu quý lạ đến và nói rằng: *“Này các con, đây là các đồ chơi quý báu khó tìm được, nếu các con không lấy, sau này sẽ hối hận. Trong đó có các loại xe như xe dê, xe hưu, xe trâu, những xe đó đều ở ngoài cửa, những thứ ấy có thể chơi đùa rất vui. Các con đang ở trong nhà lửa, mau ra khỏi đó và tùy các con chọn lựa loại xe mình ưa thích.”* Sự hấp dẫn từ các loại xe quý ấy kích thích những người con, chúng thi nhau chạy ra khỏi nhà lửa. Khi đã được an toàn, trưởng giả cho mỗi người một cỗ xe lớn, cao rộng, chúng quanh trang trí bằng các ngọc báu, mỗi xe đều được kéo bằng những con trâu xinh đẹp. Lúc bấy giờ những người con vốn dĩ chẳng muốn ra khỏi nhà lửa ấy, đều rất sung sướng, thích thú và hạnh phúc, chúng ngồi vào cỗ xe đẹp đẽ, vô cùng cao quý, trước giờ chưa từng có ấy.

Cùng Tử dụ là câu chuyện về chàng Cùng Tử khờ dại, bỏ cha đi xứ khác, sống nghèo khổ cùng cực mãi đến năm 50 tuổi. Nhà cha của anh lại vô cùng giàu có, tiền của nhiều vô số kể. Khi ông trưởng giả nhìn thấy con mình lòng rất vui mừng, sai người đuổi theo, thế những chàng Cùng Tử vì quá sợ hãi đến nỗi ngất xỉu trên đất. Trưởng giả biết được tâm ý của con bèn nghĩ cách từ từ tiếp cận để hướng dẫn. Đầu tiên là sai hai người khuyết tật tiếp cận chàng Cùng Tử, rồi mướn anh vào nhà dọn phân. Trưởng giả thay đồ thô rách giống như anh, tay cầm hốt phân với hy vọng đến gần và nói chuyện được với con trai của mình.

Qua thời gian, trưởng giả nhận chàng Cùng Tử làm con nuôi, dạy cho chàng Cùng Tử cách làm việc, thu xếp công việc trong nhà, rồi giao cho quản lý gia tài và được quyền thu xuất đồ đạc trong nhà. *“Hiện giờ ta có rất nhiều trân báu vàng bạc, ruộng vườn kho báu đầy nhà, trong đó*

người cần nên biết rõ để giữ gìn. Lòng ta nghĩ như vậy và đó cũng là ý của ta. Vì sao? Nay cha và con không còn xa lạ, nên cố dụng tâm giữ gìn, chớ để cho mất mát.” Một tình tiết đáng lưu ý là chàng Cùng Tử tuy rất chu toàn công việc nhưng vẫn ở chỗ cũ. Trải qua một thời gian, ông trưởng giả biết sắp chết liền họp gia đình và tuyên bố rằng: “Gã Cùng Tử này là con ta, đã bỏ đi từ lúc thơ ấu. nay được gặp lại, ta giao gia tài cho nó.” Từ đó chàng Cùng Tử mới chính thức kế thừa sản nghiệp của ông trưởng giả.

Y Châu dụ hay Hệ Châu dụ cũng là câu chuyện về một người nghèo khổ. Câu chuyện bắt đầu khi người này đến nhà bạn thân chơi, sau khi quá chén thì nằm ngủ bất tỉnh. Người bạn ấy sắp đi xa, vì muốn giúp bạn mình đỡ phải chịu khổ nhọc nhằn, đã lấy viên ngọc vô giá buộc vào trong áo của người bạn ấy. Vì quá say, người ấy không hay biết gì cả. Khi tỉnh dậy thì lang thang đến xứ khác, cực khổ làm ăn, tuy có kiếm được chút ít nhưng cuộc sống vẫn cứ khó khăn triền miên. Thời gian cứ thế trôi qua, đến một ngày nọ, hai người có duyên tương ngộ. Thấy bạn mình vẫn là cực khổ khó khăn, người bạn mới thắc mắc và đặt câu hỏi rằng: sao anh không đem ngọc ra mà đổi, để được cuộc sống sung sướng, hà tất kiếm sống khó nhọc đến như vậy? Lúc bấy giờ chàng trai ấy mới nhận ra, trong chéo áo mình vốn dĩ tồn tại viên ngọc quý giá, vốn dĩ bản thân cũng chẳng thiếu thốn gì cả.

Cả ba thí dụ trên nghe qua là ba câu chuyện riêng biệt với những nhân vật, bối cảnh và chuỗi tình tiết vốn chẳng có chút dính dáng gì đến nhau chứ nói chi đến nét tương đồng. Tuy vậy, đặt những câu chuyện dưới góc nhìn kết quả, hay nói cách khác là mục đích hướng đến, ta sẽ có được những điểm phát hiện vô cùng thú vị mà ở đó tính nghệ thuật và những giá trị ứng dụng của các dụ trên được thể hiện rõ nét, tạo nên sức hút mãnh liệt.

Đầu tiên, sức hấp dẫn của cả ba câu chuyện phải kể đến chính là nghệ thuật miêu tả đạt đến đỉnh cao.

Ở Hỏa Trạch dụ, ta thấy rõ, chỉ thông qua một đoạn văn dài gần 5000 chữ, dùng thể loại trường hàng thuộc thể văn xuôi, sau là kệ tụng tứ ngôn, câu chuyện dài với hình ảnh ngôi nhà cháy và những đứa con vô tư chơi đùa được hiện lên rõ nét. Nghệ thuật miêu tả còn đạt được hiệu quả vô cùng ấn tượng khi kết hợp với thủ pháp phóng đại, làm cho người đọc cảm thấy sợ hãi về bối cảnh nguy hiểm mà thí dụ đã đưa ra. Nghệ thuật ấy khéo léo đến mức khiến người đọc tự hình dung, liên tưởng thậm chí đặt cả bản thân mình vào trạng huống như thế để tìm kiếm giải đáp. Chúng ta không thể không khẳng định, đây là bước đầu dẫn đến sự thành công của cả bản kinh nói chung và thí dụ nhà lửa nói riêng.

Đến với dụ Cùng Tử, nghệ thuật miêu tả ấy càng thể hiện rõ sự tinh tế của nó. Tình huống thí dụ đặt ra có phần chân thực hơn rất nhiều, kết hợp với diễn biến câu chuyện có chiều dài về thời gian, có chiều sâu về tâm lý nhân vật, khiến sự cuốn hút càng lúc càng được thể hiện rõ. Miêu tả về hoàn cảnh, về con người là một biện pháp nghệ thuật hay, thì sự miêu tả về tâm lý nhân vật một cách tỉ mỉ chính là một biện pháp nghệ thuật toàn diện. Ở dụ Cùng Tử, ta thấy rõ diễn biến nội tâm của người cha và người con, hiểu rõ dụng ý của từng hành động, cử chỉ của các nhân vật. Và chính vì thế mà chân lý Đức Phật muốn truyền tải trở nên rõ ràng và dễ

hiếu hơn bao giờ hết. Nếu ở dụ Hỏa Trạch miêu tả được kết hợp với phóng đại thành công thu hút người đọc, thì ở dụ này, miêu tả được kết hợp khéo léo với tự sự đã khiến cho người đọc bằng một cách nhẹ nhàng và tự nhiên nhất chú ý và theo dõi câu chuyện đến giây phút cuối cùng. Một lần nữa, nghệ thuật miêu tả thể hiện rõ tác dụng quan trọng mang tính quyết định của nó ở bản kinh Pháp Hoa đầy tính gợi hình này.

Nếu hai thí dụ trên, các tình tiết đưa ra đều vô cùng cuốn hút và hấp dẫn, thì ở Y Châu dụ tình tiết lại đơn giản đến không ngờ tới. Tuy nhiên, không vì sự đơn giản đó mà nghệ thuật miêu tả trở nên yếu thế, mà hơn thế, nghệ thuật miêu tả tạo ra điểm nhấn riêng gây sự thu hút không thể ngờ đến. Tình huống được đặt ra nhanh gọn và kết thúc cũng rất mau chóng, khiến sự nghi vấn của người đọc được giải đáp ngay tại chỗ, thế nhưng lại để lại dấu ấn và mở ra sự suy tư về ý nghĩa thật sự của thí dụ này nơi người đọc. Ở đây, nghệ thuật miêu tả tuy không kết hợp với bất cứ thủ pháp nào khác, nhưng lại gây ấn tượng mạnh bởi ngôn ngữ gọn gàng nhưng sắc bén, tình tiết đơn giản nhưng tạo sức mở về chiều sâu và ấn tượng nhất vẫn là khả năng tạo điểm nhấn rõ nét khiến người đọc chỉ với một lần đã không thể quên. Đây có thể nói là đỉnh cao của nghệ thuật miêu tả trong kinh điển Đại Thừa.

Để tạo nên thành công của nghệ thuật miêu tả, không thể không kể đến chính là sự xuất hiện của những hình ảnh đầy tính biểu tượng mang đậm ý nghĩa.

Nói đến hình ảnh, ta không thể không nhắc đến hình ảnh người bị lâm vào cảnh khốn khó, tức là những đứa con ở trong nhà lửa, anh chàng Cùng Tử hay người bạn cực khổ kiếm kế sinh nhai. Hình ảnh những con người lâm vào cảnh khốn khó này được nêu ra tạo được sự đồng cảm sâu sắc nơi người đọc. Bởi người đọc tìm thấy được chính mình ở những hình ảnh ấy. Nét tính cách chung của những nhân vật này chính là sự khờ dại lầm lạc, không hiểu được sự thật về bản thân, luôn lầm chấp vào hoàn cảnh hiện tại, đẩy bản thân đến cảnh cực khổ khốn cùng. Ở nhân vật này, chúng ta thấy rõ chính mình, mỗi chúng sinh trên cõi Ta Bà này, với sự khổ cực chịu đựng do sự lầm chấp. Chính sức gợi của những hình ảnh này đã tạo được nét cuốn hút, hấp dẫn lực chú ý của người đọc đối với những thí dụ trên.

Để khắc họa rõ nét hơn nữa, sự đau khổ cùng cực của những nhân vật lâm vào tình trạng khó khăn ở trên, những hình ảnh về ngôi nhà bị bốc cháy, hay quá trình lang thang kiếm ăn, cực khổ tìm kế sinh nhai được hiện lên rất tự nhiên, không chỉ thành công trong quá trình miêu tả mà còn chiếm được sự đồng cảm của người đọc. Dù là nhà lửa hay sự nghèo đói, quá trình cực khổ bôn ba đều được nêu lên với mục đích khắc họa rõ nét hơn nữa hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng của nhân vật, mà ẩn ý không gì khác là làm cho mỗi một người trì tụng kinh Pháp Hoa có thể thấy được chính bản thân mình nơi đó, kích thích được sự cảm thông, đồng cảm, từ đó tiếp thu lời Phật dạy để mau chóng rời khỏi cảnh khốn cùng nguy hiểm ấy. Và thật sự, kinh Pháp Hoa đã làm được điều đó một cách toàn diện nhất.

Cả ba dụ này đều đang diễn tả giáo lý thoát ly, đưa người trần thế ra khỏi khổ đau của tam giới, đạt đến Niết Bàn, mà các hình ảnh như xe trâu, gia tài, viên ngọc ở trong chèo áo đều mong muốn truyền tải được điều đó. Vận dụng thủ pháp nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ những

chân lý rất Phật giáo dưới những hình ảnh rất đời thường chính là điểm cộng lớn cho tính văn học của bản kinh Pháp Hoa qua ba dụ, Hỏa Trạch dụ, Cùng Tử dụ và Y Châu dụ.

Ví dụ về xe trâu, gia tài hay hạt châu cũng nhằm chỉ rõ mục tiêu Đức Phật ra đời mở ra cho chúng ta thấy Phật tính tiềm ẩn trong tất cả mọi người. *“Ai cũng có bản tâm sáng suốt, nếu biết cách sử dụng, cũng đạt đến toàn năng toàn giác như đức Phật.”* Qua đó, khơi gợi, kích thích cho hành giả ý chí, mong muốn thoát ly sự ràng buộc với ngũ uẩn, rời xa sự đau khổ, tìm kiếm con đường hướng đến chân lý, tìm kiếm sự thật để cùng đạt được gia tài pháp bảo, hưởng được niềm an vui hạnh phúc, mà vốn dĩ ai trong mỗi chúng ta đều sẵn có.

Một chi tiết rất đắt giá của cả ba câu truyện trên chính là hình ảnh người cha là ông trưởng giả và người bạn thân thiết gần gũi. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra, những nhân vật này đại diện cho Đức Phật hay nói cách khác là đại diện cho từ bi và trí tuệ của đức Thế Tôn. Xuất hiện vô cùng gần gũi với vai trò là người cha, người bạn thân thiết như một lời khẳng định cho việc chư Phật và chúng sinh là đồng một nhà, cùng một thể tính, hay nói cụ thể chính là: chúng sinh vốn đồng Phật tính. Với vai trò gần gũi thân thiết như thế, cộng với tình thương, sự bao dung một cách tuyệt đối ẩn dưới sự trí tuệ sáng chói, Thế Tôn đã vận dụng rất nhiều pháp phương tiện để tiếp cận, cảm hóa từ từ và cuối cùng là giúp chúng sinh nhận ra chân tính thật sự của mình, để tự mình giải thoát, tự mình có được an lạc.

Những tình tiết đắt giá không chỉ tạo điểm nhấn cho câu chuyện còn mở ra những ý nghĩa, những chân lý cao tột mà bất kỳ ai khi trì tụng Pháp Hoa đều phải suy tư.

Nhà lửa biểu tượng cho cảnh khổ của Tam giới, sự bức bách của chính thân này hay sự thống khổ của lửa tham sân si luôn ngày ngày thiêu đốt. Thế nhưng, khi nhận biết được ngọn lửa ấy, những người con của trưởng giả vẫn không có ý định rời khỏi căn nhà. Đây là một chi tiết ẩn tượng mà nếu nghĩ kĩ, chúng ta sẽ cảm thấy ngậm ngùi. Mỗi chúng ta sống trong cảnh khổ vô tận này, lại đủ cơ duyên biết được Phật Pháp thế nhưng thật sự mong muốn giải thoát khỏi thống khổ, dũng mãnh bước tiếp trên con đường tìm cầu giải thoát lại không có là bao nếu không muốn nói là quá yếu ớt và không đủ tha thiết.

Trưởng giả nhìn thấy tâm lý ham chơi của các con, dẫn dụ ra ba loại xe quý, nhưng đến cuối cùng chỉ cho một xe cũng là một chi tiết gây tranh cãi. Nếu nhận định trong vội vàng, ta có thể kết tội trưởng giả không giữ lời, tuy nhiên nhìn xa về chiều dài của ý nghĩa, ta thấy được đây là cả một sự từ bi được khéo léo giải quyết bằng trí tuệ. Phật vận dụng phương tiện thiện xảo để phù hợp với căn cơ của từng chúng sinh. Chỉ với một mục đích duy nhất là cứu giúp được càng nhiều những đứa con lầm lạc càng tốt. Xe trâu chính là bước cuối cùng, điểm đánh dấu cho sự nghiệp của chư Phật được thành tựu cũng chính là lúc chúng sinh được thật sự thoát khổ, đạt được an vui một cách chân thực nhất.

Hay đến với Cùng Tử dụ, ta thấy được sự tử mị chu đáo của người cha khi hiểu được tâm lý sợ sệt, tự ti của con mình. Từ lúc nhờ hai người khuyết tật khuyến dụ về làm người hốt phân, đến chính bản thân ông trưởng giả cũng mặc quần áo dơ xấu để tiếp cận với mong muốn xóa tan khoảng cách với con, gần gũi và dạy dỗ con mình để tiếp quản sự nghiệp. Mong muốn con

mình sớm hết khổ, được hưởng gia tài nhưng những bước làm của trưởng giả cho thấy sự suy nghĩ chu toàn, sâu sắc, từng bước từng bước để đưa con tự mình nhận ra, tiếp nhận cho đến hoàn toàn chấp nhận mà không hề có một sự gượng ép nào.

Đức Thế Tôn cũng từ bi như thế. Đối với chúng sinh, người luôn kiên nhẫn, từng bước từng bước khuyến dụ, sách tấn để chính chúng sinh tự nhận ra và mong muốn tìm cầu đến sự giác ngộ giải thoát. Tuy Cùng Tử bỏ cha, những người cha vẫn nhớ con, tìm con ví Phật ở thế thói thanh tịnh thật báo trang nghiêm nhưng vì thương chúng sinh, Ngài phải trở lại thế giới Ta Bà, mang thân phận phàm phu giống chúng sinh để khuyến độ chúng sinh thoát khổ. Thế mới thấy được tình thương bao là rộng lớn của mười phương chư Phật.

Y Châu dụ lại càng xoáy sâu nhấn mạnh vào Phật tính, bản tâm thanh tịnh vốn sẵn có của mỗi chúng sinh. Thế nhưng, sau cơn say, chính là ẩn dụ khi nhập vào sông mê, chúng ta chẳng còn nhớ gì về viên ngọc nơi chéo áo mà cam tâm làm thuê làm mướn, cực khổ kiếm kế sinh nhai. Chúng ta đã có hạt châu trong lòng, nhưng vì buồn phiền vô mình ngăn che, tâm phàm phu phủ bụi, Thánh quả tu hành chưa đạt được bao nhiêu. Thật đúng như lời Sơ tổ Trúc Lâm dạy trong Cư Trần Lạc Đạo Phú: *“Trong nhà có báu thôi tìm kiếm.”*

Chúng ta phải tự phát tâm tìm đường tu hành, dù sinh trong đời mạt pháp không gặp Phật, vẫn cố gắng dùng pháp Phật trang nghiêm tâm hồn. Phật đã thọ ký cho mỗi chúng ta đều sẽ thành Phật. Việc quan trọng trước mắt là tự thân chúng ta phải cố gắng tu tập, lĩnh hội và thực hành lời Thế Tôn mới có thể thấy ngọc đạt được cuộc sống sung sướng hạnh phúc. Nếu ngược lại, ngọc nơi chéo áo vẫn chỉ là viên ngọc bị bỏ quên, bản thân chúng ta vẫn chỉ là kẻ làm công, cực khổ lam lũ, kiếm kế sinh nhai, cực khổ vô cùng mà thôi.

Cả ba thí dụ trên có một điểm chung vô cùng ấn tượng, cũng chính là cốt lõi mà giáo lý của đức Như Lai mong muốn đạt được. Dù người trưởng giả có thấy rõ lửa cháy, có thể kéo tay các con ra ngoài, người cha giàu có có thể trao hản tài sản cho con hay ngay từ đầu người bạn ấy có thể giao viên ngọc cho bạn nhưng họ vẫn không làm như vậy. Người trưởng giả phải dùng các thứ xe tốt dẫn dụ ước muốn rời khỏi nhà lửa, để chính các con khởi lên ý niệm rời khỏi nhà lửa. Người cha giàu có phải từ từ khuyến dụ từ giao cho công việc hốt phân, đến khi làm tốt mới dạy cho cách quản lý nhà cửa, tài sản, đến khi thật sự thành thực mới trao cho gia tài. Hay người bạn chỉ nhắc nhở viên ngọc đang nằm trong chéo áo của bạn mình, nhiệm vụ tìm kiếm, lau chùi bụi bẩn phải do đích thân người bạn ấy thực hiện. Đây là một chi tiết vô cùng quan trọng mở ra cho chúng ta nhiều sự suy tư.

Theo giáo sư Kubota, *“Đức Phật cũng vậy, Ngài là bậc Chính biến tri, chỉ làm những việc đáng làm. Ngài có thể cho ta thế giới của báu, có thể cứu chúng sinh, nhưng cứu chúng ra khỏi nhà lửa tam giới, được an lành, để rồi chúng lại sống bê tha theo ngũ dục, cho đến phá sản cuộc đời tạo thành nhà lửa thứ hai, rồi ngài tiếp tục cứu nữa hay sao?”*

Điều chính yếu đức Phật uốn nắn, tạo điều kiện giúp chúng ta vươn lên, tự phát triển khả năng giải phóng tâm hồn ta ra khỏi nhà lửa tam giới. Ngài không giáo dưỡng để nô lệ hóa tinh thần ta hay biến chúng ta thành người ăn hại. Thiết nghĩ trên bước đường tự lực xây dựng cuộc

sống giải thoát, hoàn cảnh khó khăn là thước đo niềm tin và nghị lực của ta.

Dụ nhà lửa tiêu biểu cho nhà Phật pháp do Như Lai sáng lập. Khi Ngài bỏ đi hay diệt độ, nhà thành cũ mục. Con cháu trong nhà trở nên hư hỏng, ám chỉ hiện tượng yếu kém của đệ tử ở thời mạt pháp. Ngược lại, trong dụ Cùng Tử, người chủ không bỏ đi. Nhà mục nát không phải do thiếu chủ nhân mà chính người con bỏ cha trốn đi. Trong khi đó ở dụ Y Châu, viên ngọc luôn ở trong chéو áo dù người thanh niên ấy có đi đến đâu làm việc gì.

Điều này khẳng định Phật tính luôn ở sẵn trong ta chỉ đợi ta phát hiện ra và mài dũa nó để phát huy toàn bộ ánh sáng ấy. Đến đây, ta thấy rõ tuy cùng là pháp Phật, nhưng đứng dưới ba góc độ thấy khác nhau. Một đằng là cha bỏ đi, một đằng là con bỏ đi, một đằng là không ai bỏ đi mà do chủ nhân quên mất sự hiện diện của nó, mở ra cho chúng ta ba quan niệm về pháp. Tuy ba quan niệm nhưng thật ra cũng chỉ là một quan niệm duy nhất về pháp Phật mà thôi. Bất luận, ta rời khỏi nhà lửa, hay tìm về trưởng gia nhận gia tài, hay nhìn lại và phát hiện ra viên ngọc nơi chéو áo thì quá trình dụng công tu tập được dẫn dắt bởi tâm mong muốn tìm cầu giác ngộ giải thoát luôn là điều kiện chính yếu nhất.

Đặt ba thí dụ trên lại với nhau, ta thấy được mối liên quan mật thiết về giá trị tu tập cao tốt được khéo léo ẩn dấu, thêm thắt dưới những câu chuyện hấp dẫn đầy tính nghệ thuật. Tính văn học của ba câu chuyện trên chính là điểm nhấn hấp dẫn mà ở đó vị trí của người đọc được ưu tiên chú trọng, không ngoài mục đích thu hút người đọc để bản kinh Pháp Hoa được phổ biến rộng khắp, trở thành kim chỉ nam trên đường tu học của hành giả học Phật.

2. Dục Thảo dụ, Kế Châu dụ

Dục Thảo dụ hay Vân Vũ dụ nói về đại thiên thế giới, núi đồi hang rãnh và ruộng đất mọc lên cây cối và cỏ thuốc, với bao nhiêu chủng loại và màu sắc tên gọi không hề giống nhau. Nhưng mây dày nổi lên và mưa bủa giăng xuống khắp cả đại thiên thế giới ấy; mưa xuống một cách đồng thời và đồng đều, nước mưa thì thấm nhuần tất cả. Tất cả cây thuốc rễ nhỏ, nhánh nhỏ, thân nhỏ, lá nhỏ cây thuốc rễ vừa, nhánh vừa, thân vừa; cây thuốc rễ lớn, nhánh lớn, thân lớn, lá lớn... tùy theo tính chất mà được hấp thụ đủ cả. Một trận mưa lớn, xứng hết với các mầm, nên thức nào cũng được sinh ra, lớn lên, trổ hoa, ra trái và kết hạt. Cùng một đất mọc lên, một mưa thấm xuống, nhưng các cây cối và cỏ thuốc vẫn có khác nhau.

Kế Châu dụ hay Đảnh Châu dụ là câu chuyện về vị luân vương hùng cường muốn sử dụng uy thế làm cho các nước khác thuần phục. Nhưng các quân vương không tuân lệnh. Luân vương đành phải động binh chinh phạt. Thấy chiến sĩ ai lập công thì luân vương vui mừng, tùy công mà ban thưởng bằng cách ban cho đủ thứ cần dùng và hiếm có. Chỉ có viên ngọc sáng trong búi tóc thì không đem cho, vì chỉ trên đỉnh đầu của luân vương mới nên có viên ngọc sáng ấy. Cho đến khi chiến sĩ lập được chiến công vô cùng hiển hách, nhà vua lúc bấy giờ mới đem viên minh châu trên đầu mình ra mà ban tặng cho vị dũng sĩ ấy.

Nghệ thuật miêu tả và tự sự được vận dụng một cách khéo léo và uyển chuyển mở ra sự nghi vấn, tạo thành nét hấp dẫn người đọc.

Ở Dược Thảo dụ, chúng ta thấy biện pháp miêu tả được sử dụng như phương pháp chính dẫn dụ, lôi cuốn người đọc. Từ rộng đến chi tiết, miêu tả một cách cụ thể, tỉ mỉ trạng huống của rừng cây với rất nhiều chủng loại. Chúng ta có thể khẳng định ở thí dụ này, biện pháp miêu tả được sử dụng vô cùng đơn giản đến trực tiếp, nói thẳng vào hình ảnh cây cỏ và hạt mưa. Tuy trực tiếp nhưng lại tạo được hiệu quả không kém gián tiếp là bao. Việc miêu tả rõ ràng về sự hiện diện của mưa là đồng đều nhưng vì đặc tính của các loại cây là khác nhau nên lượng nước mưa được thụ hưởng cũng không giống nhau tạo nên nét ấn tượng đặc biệt mà trong bảy dụ chỉ riêng ở Dược Thảo dụ mới có và được thể hiện rõ nét đến vậy.

Cũng giống như ở Dược Thảo dụ, ở Kế Châu dụ biện pháp tự sự cũng được sử dụng tương đối là đơn giản. Câu chuyện về vị luân vương muốn khởi công chinh phạt các quận vương không thuận phục được hiện lên vừa đơn giản vừa trực tiếp. Điều này giúp cho người đọc dễ dàng tiếp nhận được bối cảnh từ đó tiếp thu được những bài học của thí dụ này đưa đến một cách thuận lợi hơn. Hình ảnh vị luân vương luận công ban thưởng cũng được kể lại qua những câu văn hết sức đơn giản, mà ở đó sự nhấn mạnh tùy vào công lập được lớn hay bé mà phần thưởng nhận được cũng do đó mà khác nhau khiến cho ý nghĩa thực sự của câu chuyện được bật lên hay chỉ ít cũng tạo được sự nghi vấn, sự tò mò trong lòng người đọc.

Dược Thảo dụ và Kế Châu dụ là hai thí dụ tưởng chừng như không liên quan gì đến nhau. Một bên dùng biện pháp miêu tả, một bên là tự sự. Một bên dùng cây cỏ gió mưa ẩn dụ cho người, một bên dùng người để hoán dụ cho người. Một bên là bức tranh sinh động về thiên nhiên, bên còn lại lại là toàn cảnh sinh hoạt giữa quân và thần. Thế nhưng khi đặt hai câu chuyện tưởng chừng không mấy liên quan này lại với nhau ta thấy được nét riêng tương đồng cả về những thủ pháp nghệ thuật có phần đơn giản trực tiếp và ở đó mở ra những giá trị ứng dụng, những bài học ý nghĩa về cơ bản không khác nhau là mấy.

Tính công bằng nhưng không ngang hàng thể hiện rõ ở hai thí dụ thông qua biện pháp so sánh, ẩn dụ và hoán dụ.

Nếu chỉ dừng lại ở Hỏa Trạch dụ, Cùng Tử dụ và Y Châu dụ rất dễ tạo thành sự hiểu lầm rằng pháp của Như Lai chỉ truyền cho người thân thích, Đức Phật như một người ban phước giáng họa. Thế nên, ở phẩm Dược Thảo dụ và Kế Châu dụ đã hoàn thành nhiệm vụ phác họa ra Đức Phật với vai trò là người dẫn đường, Ngài không bao giờ cho và không có gì để cho, Ngài chỉ đưa ra phương thức giúp mọi người ra khỏi sinh tử. Hai thí dụ này là hạt nhân tư tưởng cho đại chúng tự phấn đấu vươn lên, cùng đi với Đức Đạo Sư đến đích đến cuối cùng mà ở đó sự giải thoát chứng ngộ là phần thưởng lớn nhất, cao quý, tốt đẹp nhất.

Ở Dược Thảo dụ, chúng ta thấy rằng thủ pháp ẩn dụ đã được vận dụng rất nhuần nhuyễn. Với hình thức ẩn dụ, liên tưởng so sánh ngầm, Đức Phật đã sử dụng ngôn ngữ này một cách đầy thiện xảo để nói đến căn cơ, trình độ của chúng sinh: “*Dược Thảo dụ là nói căn có lớn nhỏ, trí có chậm mau, cơ có sâu cạn.*” Còn theo như nhận định của Hòa thượng Trí Quang: “*Ví dụ cây cỏ này nói Tam Thừa (thậm chí ngũ thừa) toàn xuất từ nhất thừa.*”

Đức Phật ví sự hiện hữu của Ngài trên cuộc đời như vầng mây trong khắp không gian. Một trận

mưa xuống, tuy rơi xuống bình đẳng nhưng cây cỏ tùy loại lớn nhỏ hấp thụ nhiều ít khác nhau. Cũng vậy, Đức Phật nói pháp không phân biệt thượng, trung, hạ. Vì căn tính chúng sinh không đồng, nên thấy có sai khác. Sự thật chỉ có duy nhất Phật thừa.

Ở đây, chỉ với đoạn kinh ngắn này, chúng ta đã nhận được không biết bao nhiêu là thâm nghĩa của kinh qua các biểu tượng cơn mưa, đất, cây cối, cỏ thuốc. Và cho đến nay, cơn mưa, đất, v.v... đã đi vào truyền thống Phật giáo bởi hình ảnh biểu tượng của nó. Nhắc đến cơn mưa, người học Phật nghĩ ngay đến những lời dạy của đức Thế Tôn, như một trận mưa xuống làm sạch bụi bặm, thấm nhuần nuôi dưỡng cây cỏ, khiến chúng phát triển.

Ở Kế Châu dụ ta lại thấy được thủ pháp hoán dụ được sử dụng một cách thuần thực, kết hợp với hình thức tự sự, tạo nên một thí dụ có sức ảnh hưởng rất lớn, mà ở đó sự công bằng theo đúng tinh thần Phật giáo nói chung, tinh thần Pháp Hoa nói riêng được đề cao. Vị luân vương chính là hình ảnh hoán dụ của đức Như Lai. Như Lai là vua của các Pháp. Như Lai sai Hiền Thánh đánh ma vương. Khi thắng ma, Như Lai ban cho thiền định giải thoát Niết Bàn, tạm nói là diệt độ để diu dắt tâm họ, nhưng chưa hề nói cho họ kinh Pháp Hoa. Đến khi nào quân đội Hiền Thánh chiến thắng ma ngũ ấm, ma phiền não, ra khỏi ba cõi, mới ban cho kinh Pháp Hoa là kinh bậc nhất của Như Lai với triết lý giải thoát cao tột.

Tính công bằng ở dụ này tuy không được thể hiện rõ ràng nhưng nếu suy nghĩ kỹ thì nó luôn được thể hiện một cách đầy ẩn ý dưới các tình tiết của câu chuyện. Luân vương luận công ban thưởng, chỉ cần có công ắt có thưởng. Có thể có người không được thưởng vì không lập công, có người được thưởng nhiều, có người được thưởng ít. Nếu đem tình tiết này đặt dưới cái nhìn của Phật giáo thì đây quả thật là một sự công bằng đầy văn minh. Giống như cây cỏ tùy cao thấp khác nhau mà được lượng mưa khác nhau, người có công khác nhau sẽ được ban thưởng khác nhau, cũng vậy tùy vào căn tính của mình mà mỗi chúng sinh được hưởng lợi ích từ Chính pháp của Thế Tôn một cách không đồng đều.

Phật giáo nói công bằng, không phải nói ngang hàng. Cùng là cây trong khu rừng, tùy độ phát triển cao thấp lượng mưa nhận được sẽ khác nhau, nếu giống như nhau sẽ có cây chết vì dư nước, lại có cây chết vì thiếu nước. Cùng là con dân của vua, tùy theo công lao mà được ban thưởng. Cùng là đệ tử sống dưới chính Pháp của đức Như Lai, tùy theo căn tính, sự tu tập, sự dụng công và sự lãnh hội mà dòng Pháp nhũ nhận được sẽ khác nhau. Qua sự miêu tả, tự sự kết hợp với các biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, đạo lý về tính công bằng được hiện rõ qua hai dụ như một lời khẳng định về tình yêu thương sức từ bi của chư Phật.

Ngôn ngữ so sánh xuất hiện thể hiện rõ bộ kinh giàu tính văn học và có giá trị khích lệ rất cao.

Tuy đơn giản về thể loại sử dụng là thế, nhưng sức gợi về ngôn ngữ của hai dụ này lại vô cùng đặc biệt mà ở đó nét ngôn ngữ so sánh vốn xuất hiện không nhiều trong hệ thống kinh tạng, lại đặc biệt được sử dụng ở hai dụ này. Điều đó vừa thể hiện được tính văn học vô cùng cao vừa thể hiện được các phương pháp nghệ thuật được sử dụng trong ngôn ngữ của hai dụ nói riêng và bản kinh này nói chung là vô cùng phong phú và hấp dẫn.

Ở ví dụ về cây cỏ nêu trên, tiếp theo đó Đức Phật dạy rằng: “Đại-ca-diếp, Như Lai cũng vậy.

Như Lai xuất hiện ở thế gian in như mây lớn nổi lên. Rồi in như mây lớn bủa khắp đại thiên thế giới, Như Lai xuất ra âm thanh rất lớn, vang khắp thế giới chúng sinh...”

Bằng ngôn ngữ so sánh, “cũng vậy”, đức Thế Tôn đã khéo léo so sánh, khéo léo thuyết giảng, đưa chúng sinh đi từ thấp đến cao, từ chỗ mơ hồ chưa hiểu rõ đến chỗ thấu suốt vấn đề cũng bằng một hình ảnh biểu tượng khác. Điều này nói lên rằng, đức Thế Tôn không muốn cho chúng sinh bị mê lầm, mắc kẹt vào mớ ngôn ngữ kia. Điều mà Như Lai muốn, cái thực tại mà Như Lai muốn hiển bày nó nằm ngoài ngôn ngữ, là chúng sinh hãy nương giáo lý của Như Lai như nương vào ngón tay để nhìn thấy mặt trăng, để nhìn thấy, để có thể thể nhập vào cảnh giới Niết Bàn vô tướng của mười phương ba đời chư Phật.

Bên cạnh đó, để hiểu thí dụ mưa rơi cao hơn một bậc, thấy rằng hơi nước bốc lên là mây, nhưng rơi xuống là nước. Điều này nhằm chỉ trên mặt sinh diệt có hai thứ: mây và nước. Nhưng cả hai cùng ở một thể thống nhất, thăng hoa lên thì thành Phật, mà rơi xuống lại thành chúng sinh. Nói đến pháp Nhất thừa của Pháp Hoa, không có Phật riêng và chúng sinh riêng, chúng sinh và Phật vốn là một, cùng chung bản thể tịnh thanh không khác.

Hay khi nói đến viên ngọc trên mũ vua ở dụ Kế Châu ta thấy rõ ngôn ngữ so sánh được vận dụng một cách khéo léo. Ban thưởng tất cả, chỉ viên ngọc ấy không ban thưởng chính là nói đến sự cao quý và điều kiện tiên quyết để truyền trao kinh Pháp Hoa. Bởi, nếu hành giả Pháp Hoa mang chân lý đến cho người, người không chấp nhận và dễ dàng hại hành giả. Hành giả phải hoằng truyền chân lý bằng cách nào? Câu hỏi trên cũng tương tự như nếu Phật đem hiểu biết chân thật mình đã chứng đắc nói hết ra thì ai sẽ là người có thể chấp nhận được chứ chưa nói đến là hành trì theo để đạt được chứng ngộ giải thoát. Ngôn ngữ so sánh được sử dụng trong dụ này như một câu hỏi lớn khiến cho người đọc phải suy tư.

Chính sức hấp dẫn từ ngôn ngữ so sánh ấy tạo nên sự khuyến khích vô cùng lớn đối với hành giả Pháp Hoa. Bởi, khi đem bản thân so sánh với cây cỏ, hành giả nếu thật sự dụng tâm nỗ lực tu hành sẽ cố gắng trở nên cao lớn để có thể tiếp nhận nhiều nước mưa hơn nữa. Nếu so sánh với những vị quận vương ở Kế Châu dụ, hành giả sẽ cố gắng hơn nữa đoạn diệt ma phiền não để nhận được Kế Châu vốn là quả vị cao lớn và thù thắng nhất.

“Theo giáo sư Kubota an lạc không phải là tìm nơi an lành ngồi nghỉ, sống cuộc đời nhàn hạ. Trái lại an lạc có một tác dụng lớn cho người hành đạo.” Thật vậy, khi mong muốn tìm được an lạc giải thoát, hành giả phải tự mình đối diện với những ma phiền não trong lòng và phải chiến thắng chính nó. Chỉ có như vậy mới có thể nhận được Kế Châu, vốn là phần thưởng danh giá nhất. Kế đó, an lạc không chỉ dừng lại ở việc tự an hưởng, hành giả phải mang ý chí lớn, đem chân lý truyền trao cho người khác. Nếu như muốn thành tựu Phật quả cứu độ chúng sinh trong lúc tài mỏng đức kém, hành đạo sẽ dễ bị gãy, chỉ làm chuốc họa vào thân và tạo thành nhiều hậu quả đáng tiếc về sau mà không có lợi ích gì.

3. Hóa Thành dụ, Y Sư dụ

Hóa Thành dụ là câu chuyện kể về chuyến hành trình của một đoàn người muốn vượt qua con đường hiểm ác dài đến 500 do tuần, nằm trong chốn hoang vắng và ghê rợn để tìm đến chỗ

có vàng ngọc và châu báu. Vì con đường quá dài quá xa, lại vô cùng nguy hiểm, đoàn người nửa đường đã vô cùng mệt mỏi, có nhiều người nổi tâm làm biếng và sợ hãi, chỉ mong muốn thoái lui. Lúc bấy giờ, vị trưởng đoàn vô cùng thông minh, tuy biết rõ còn đường này chỗ nào nghẽn, chỗ nào thông và chỉ mới đi được nửa đường còn lâu mới đến, nhưng vì thương cho đoàn người cực khổ, nếu giờ bỏ về không những không có được châu báu mà còn lãng phí công sức trước đó, nên quyết định dùng phương tiện lực ngay nơi đoạn giữa con đường hiểm ác, biến hóa ra một thành quách lớn, để mọi người nghỉ ngơi.

Đoàn người vô cùng mừng rỡ, nghĩ rằng mình đã qua khỏi con đường hiểm ác, có thể nghỉ ngơi an toàn và cho rằng đây là đích đến cần tìm. Đến khi mọi người đã hết mệt lấy lại được tinh thần cũng như sức lực, vị dẫn đoàn mới dùng thần lực làm cho Hóa Thành biến mất và hướng dẫn cũng như khích lệ mọi người nên đi thẳng tới kho báu đầy vàng ngọc vốn nằm ở gần đây. Chính vì sự thông minh khéo léo của vị trưởng đoàn mà đoàn người có thể kiên trì đến chỗ dấu ngọc, đạt được châu báu mà không bị bỏ dở giữa chừng.

Y Sư dụ là câu chuyện kể về một vị thầy thuốc đầy trí tuệ thông đạt, thông hiểu các phương thuốc. Thầy thuốc ấy có rất nhiều con. Vì một số công việc mà ông phải sang nước khác. Các con ông ở nhà uống nhầm thứ thuốc độc làm cho tâm sầu muộn, mê man và rối loạn, vật vã trên đất. Khi ông trở về thấy con của mình bị trúng độc, đưa thì mất cả bản tâm, đưa thì không mất thầy cha về vội vàng xin cha cứu giúp. Ông thương con, chế ra thuốc hay, đưa cho các con uống. Những đứa không mất bản tâm, nghe lời cha uống thuốc thì được bình phục. Những đứa còn lại, không chịu uống thuốc. Bởi lẽ chất độc đã ngấm sâu, làm mất bản tâm, cho nên đối với những thứ thuốc hay, chúng không cho là thuốc tốt.

Vị lương y bèn trốn đi nước khác, nhờ người nhắn với các con mình rằng bản thân tuổi già sức yếu nên đã qua đời. Những người con nghe vậy thương nhớ vô hạn, lại nghĩ đến tấm lòng và phương thuốc cha cho, liền mau chóng uống thuốc và lập tức khỏi bệnh. Lúc này người cha khi được tin các con uống thuốc và khỏi bệnh, mới trở về và cho các con biết rằng bản thân già chết cũng chỉ vì mong muốn các con uống thuốc được khỏi bệnh.

Nghệ thuật miêu tả, tự sự sinh động kết hợp với tình huống huyền giả đầy hấp dẫn tạo sức hút cho hai dụ.

Ở Hóa Thành dụ, nếu như quá trình vượt con đường dài 500 do tuần hy vọng tìm thấy kho báu làm cho người đọc cảm thấy hứng thú, thì tình huống huyền giả đầy ấn tượng chính là sự hóa phép ra tòa thành để nghỉ ngơi của vị trưởng đoàn, tạo nên điểm nhấn đầy thú vị cho câu chuyện. Tuy là kể chuyện, nhưng với giọng văn mượt mà, đan xen thủ pháp nghệ thuật miêu tả quá trình từ khi bắt đầu chuyến hành trình đến khi mệt mỏi muốn thoái lui, đến sự hóa hiện của Hóa Thành và cái kết của câu chuyện luôn tạo được một nét rất riêng, làm người đọc không chỉ không nhàm chán mà còn kích thích được tính tò mò theo dõi đến hết câu chuyện. Đây là một trong những điểm thú vị mà dường như chỉ ở kinh Pháp Hoa chúng ta mới có thể cảm nhận được một cách trọn vẹn như vậy.

Nếu ở dụ Hóa Thành, tình huống huyền giả gây được nét ấn tượng thì ở Y Sư dụ, câu chuyện

về quá trình khuyến dụ con uống thuốc lại được khắc họa rõ qua tình tiết có phần không thật, tức là sự giả chết của người cha. Tình tiết người cha giả chết trở thành nút thắt mà nếu không xảy ra điều này thì mâu thuẫn của câu chuyện sẽ không được hóa giải: những người con không chịu uống thuốc để giải độc. Từ dẫn đầu câu chuyện, giới thiệu bối cảnh nhân vật đến các sự kiện được kể ra một cách trực tiếp nhưng lại khéo léo đến lạ kì. Phối hợp với đó là sự miêu tả tỉ mỉ chu đáo từ hoàn cảnh đến tâm lý nhân vật làm cho người đọc có thể hiểu ra cũng như lý giải được trọn vẹn câu chuyện từ đó mở ra những nghi vấn để đưa đến những bài học có tính ứng dụng cao mà ở đó tinh thần đại trí đại bi của Pháp Hoa được thể hiện rõ. Ta có thể nhận định Hóa Thành dụ là đỉnh cao của nghệ thuật kể chuyện.

Sự trí tuệ và từ bi của Như Lai được khắc họa rõ nét qua các biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, hoán dụ.

Đức Phật từ trên chân lý hay từ bản thể trở lại cuộc đời đã vẽ ra cho chúng ta con đường Ngài đã đi từ thế giới phàm phu đến thế giới Phật qua hình ảnh 500 do tuần đường hiểm. Năm trăm do tuần dẫn đến bảo sở lấy của báu, tiêu biểu cho năm tầng của ngũ ấm mà Đức Phật dạy phải gạn lọc sạch sẽ hoàn toàn mới đạt đến Phật quả, hưởng được Niết Bàn.

Tâm thức chúng anh phiền não và tâm lượng giải thoát của Phật cách nhau thật xa giống như 500 do tuần đường hiểm hay hai thế giới Ta Bà và Tịnh Độ cách biệt muôn trùng vạn dặm. Nhưng vị Đạo Sư biết rõ vì Ngài thường qua lại, nghĩa là Ngài đã tự chứng nghiệm thông suốt pháp tu từ cảnh giời con người chứng được Niết Bàn và từ Niết Bàn Ngài hiện thân trở lại đây. Nếu nói rõ sự hiểm nguy trên một lộ trình dài và xa như vậy, những người tâm trí hạ liệt không dám tiến bước, chứ đừng nói đến lên vượt qua trở ngại trên đường.

Thật vậy trên bước đường tu, vượt 500 do tuần đường hiểm là cả một vấn đề không đơn giản. Các đệ tử Phật dù thương Phật đến đâu, nhưng gặp khó khăn dồn dập liên tục, lòng họ cũng phải nao núng. Thực tế chúng ta thấy lòng hy sinh của con người đương nhiên có mức độ, ép quá chẳng những không đạt được kết quả, mà đôi khi còn phản tác dụng.

Đức Phật là vị Đạo Sư sáng suốt hoàn toàn, biết rõ khả năng trình độ, tâm mức hy sinh của chúng nhân như thế nào. Ngài tùy theo đó đưa ra pháp tu tương ứng và thời điểm nghỉ ngơi thích hợp. Các đệ tử từ hàng phàm phu vượt lên chứng A La Hán, phá luôn một loạt sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm là những bộc phá quá lớn lao đối với họ. Ngài phải cho họ tạm nghỉ ngơi ở Niết Bàn. Đây chính là sự từ bi ẩn chứa dưới sức mạnh trí tuệ của Thế Tôn.

Khi Phật ví mình như ông lương ý đầy trí tuệ sáng suốt tình thương bao la của Phật càng được thể hiện rõ. Sau khi trở lại từ nước khác, ông thấy các con của mình bị thuốc độc hành hạ. Khi thấy cha, các con của ông dù bị mất bản tâm vẫn vui mừng xin cha cứu nạn. Điều này khẳng định, chúng sinh khi gặp Phật là biểu tượng của tri thức và đạo đức đều sẽ nhận được sự thương yêu, kính trọng và sự mong muốn có thể được như Ngài.

Những người con không mất bản tâm được cha cho thuốc, liền uống ngay và lành bệnh. Những người con này ngầm chỉ cho chúng đương cơ là 1200 La Hán trong thời Phật tại thế. Các ngài theo Phật tu hành, tâm hết điên đảo, nhiễm ô, đạt đến Niết Bàn, từng bước tu hành từ Thanh

Văn sang Bồ Tát đạo, thông qua Tam thừa giáo, siêng năng tu tập pháp Tứ đế, sau pháp Ba La Mật và cuối cùng các Ngài vui với cái vui giải thoát. Các Ngài từ thế giới con người, vượt trên các tầng trời, qua lại trong ba cõi, đạt được an vui.

Riêng những người bị mất bản tâm, không tin Phật, không chịu uống thuốc, lầm lẫn phải trái, không chịu trừ nghiệp, ở trong sinh tử, ham mê cái khổ của sinh tử. Những người này ôm thuốc không chịu uống giống như ta ôm kinh không chịu tụng, không chịu hiểu và ứng dụng kinh nên vẫn phải chịu đau khổ triền miên, không thoát ra được vậy.

Người cha dùng phương tiện bỏ đi để các con tỉnh ngộ mà uống thuốc giúp cho bệnh lành. Cùng vậy, vì những người không chịu tu, cứ núp bóng Phật mà hưởng thụ, sinh lười biếng, kiêu mạn, Phật mới dùng phương tiện nhập diệt. Chúng ta được ví như người mất bản tâm, không thấy được Phật, trong thời đó không chịu uống thuốc, trôi lăn trong sinh tử. Cho đến bây giờ hiện hữu trên cuộc đời này, gặp vô số khổ nạn. Chúng ta nghĩ tới mặt vắn, mới chịu đem kinh ra trì tụng, áp dụng trong cuộc sống đời thường cũng như đời sống tâm linh.

Phật xác định Ngài luôn hiện hữu song hành với chúng ta. Những người uống thuốc rồi, tâm trở thành ngay thật, ý niệm diêu hảo, một lòng muốn thấy Phật không tiếc thân mạng, mới đủ tư cách thấy được Phật hiện hữu thường trú. Đây chính là hiện diện của tình thương của Đức Thế Tôn, làm hết thảy chỉ vì mong muốn chúng sinh uống lấy diệu dược của Chánh pháp mà hết khổ được vui, sớm ngày cập bến bờ của sự giác ngộ, giải thoát.

Sự khích lệ tu tập ẩn dưới câu chuyện

Qua dụ Hóa Thành và dụ Y Sư ta thấy rõ giá trị của Đức Phật và đạo Phật hiện hữu trường tồn trên cuộc đời qua hơn 25 thế kỷ, chính là vai trò giáo dục, hướng dẫn, chỉ đường cho tất cả mọi người từ bỏ các việc ác, thực hành Chính pháp, ứng dụng giáo lý chân thật vào cuộc sống cũng như vào tu hành, để đạt được niềm an vui và sự giải thoát chân thật nhất.

Biện pháp giáo dục của Như Lai được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó là sự an ủi, vỗ về những sợ sệt, khó nhọc của người hành giả, là sự khích lệ khuyến tấn để hành giả bớt đi phần lười biếng thêm nhiều phần tinh tiến dũng mãnh trên con đường 500 do tuần tìm về bến giác được thể hiện rõ ở Hóa Thành dụ. Đó là sự ở bên động viên đối với những ai còn vịn nguyên bản tâm, mong muốn đạt được giải thoát. Đó cũng là sự cảnh tỉnh, giác ngộ đối với những ai bị mê mờ, không có tâm tha thiết với đường đạo bằng nhiều biện pháp phương tiện từ mềm mỏng đến cứng rắn được thể hiện rõ ràng ở dụ Y Sư.

Dù là khuyến khích hay cảnh tỉnh, dù là mềm mỏng hay cứng rắn, thì một điều chắc thật nhất là Đức Thế Tôn luôn ở bên cạnh mỗi chúng sinh, đồng hành cùng chúng ta từ khi còn mê mờ không tin đạo, đến lúc phát tâm cầu giải thoát, từ lúc dũng mãnh bước đi, đến cả khi đuối sức mệt mỏi, muốn bỏ cuộc. Phật luôn ở bên chúng ta cho đến khi nào chúng ta tìm được lại bản tâm sáng suốt đồng nhất với Phật. Đây là ý nghĩa to lớn được biểu hiện rõ nét qua dụ Hóa Thành và dụ Y Sư làm cảm động mỗi hành giả, mỗi người con Phật.

CHƯƠNG 4: VAI TRÒ VÀ ỨNG DỤNG CỦA TÍNH VĂN HỌC TRONG KINH PHÁP HOA QUA

THẤT DỤ

Khi nghiên cứu bất kì một tác phẩm nào đặc biệt là kinh chúng ta cần nghiên cứu làm rõ tính văn học, những giá trị nghệ thuật của nó một cách cụ thể và chi tiết như một sự khởi đầu quan trọng cho quá trình học và hành những tư tưởng đầy ý nghĩa. Tuy nhiên, học ngôn ngữ là tìm hiểu văn hóa, thế nên, nghiên cứu tính văn học chỉ là bước đầu không phải là tất cả. Nếu chấp chặt vào tính văn học, ta chỉ đang ôm xác khô của ngôn ngữ mà bỏ đi chân lý vốn là linh hồn của văn học, là cốt lõi của bản kinh, là giá trị cuối cùng cần hướng đến.

Nghiên cứu về kinh Diệu Pháp Liên Hoa càng phải như vậy. Những giá trị chân lý vốn là bài học ẩn đằng sau những câu chuyện hấp dẫn đầy tính nghệ thuật, giàu giá trị văn học và rất cuốn hút người xem. Là hành giả Pháp Hoa, chúng ta cần tỉnh táo, không bỏ đi tính văn học nhưng cũng không được chấp chặt vào tính văn học mà phải luôn hướng đến “*tinh thần Pháp Hoa*” vốn là vai trò và ứng dụng của tính văn học trong kinh Pháp Hoa qua thất dụ.

1. Trong văn hóa và nghiên cứu học thuật

Kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh quan trọng nhất trong truyền thống Phật giáo Đại Thừa. Trong lĩnh vực văn hóa, với những ảnh hưởng to lớn của bộ kinh này trong các sinh hoạt xã hội tại các nước Phật giáo Đại Thừa. Bộ kinh này được xem là một trong ba kiệt tác tôn giáo lớn của Châu Á, đánh dấu sự hiện diện cũng như tầm quan trọng của Phật giáo trong đời sống văn hóa, đời sống tinh thần và tâm linh của người dân nơi đây.

Về phương diện tâm linh, bộ kinh này là nguồn năng lượng đã “*sưởi ấm hàng triệu triệu trái tim trên mảnh đất Đông Á suốt mười lăm thế kỷ qua*”. Pháp sư N. Niwano đã gọi bộ kinh này là “*Thánh kinh Á Châu*”. Cùng với kinh Đạo Hành Bát Nhã, kinh Pháp Hoa cũng được kiết tập ngay trong giai đoạn đầu tiên của truyền thống Đại Thừa tại Ấn Độ. Bộ kinh này được phổ biến và rất thịnh hành ở Trung Á vào thời Trung Cổ. Tại Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, kinh Pháp Hoa đã nhanh chóng thu những nhà thông thái tại những xứ sở này ngay khi những bản dịch đầu tiên của bản kinh Pháp Hoa được hoàn thành.

Vai trò của kinh Pháp Hoa đối với con người không chỉ thể hiện trên phương diện triết học và tôn giáo, mà còn được biểu hiện trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật và tín ngưỡng dân gian. Khi nói đến vị trí kinh Pháp Hoa trong đời sống văn hóa, người ta đã khẳng định được ảnh hưởng của bộ kinh này trên lĩnh vực điêu khắc và hội họa vì rằng nội dung và tư tưởng của bộ kinh này không phải là chủ đề phổ biến trong các công trình nghệ thuật Phật giáo Những công trình hiện còn tại Ấn Độ như một minh chứng rõ ràng cho điều này.

Về học thuật, kinh Pháp Hoa hiện diện như một đỉnh cao của sáng tác mà ở đó các biện pháp nghệ thuật được phối hợp khéo léo hài hòa với tình tiết cốt truyện gây sự hứng thú mạnh mẽ cho giới nghiên cứu. Sự tiến xa của nghệ thuật tu sức, câu từ ưu mỹ, trau chuốt tạo thành một phong cách rất riêng, phong cách rất “*Pháp Hoa*” đã nâng cao giá trị văn học của bộ kinh, khiến bộ kinh được giới văn nhân trong nhiều thế hệ khen ngợi, đồng thời cũng giúp nó được phát triển rộng rãi, đặc biệt đã ảnh hưởng lớn đến sáng tác văn học.

Dù là trong văn hóa hay trong lĩnh vực học thuật, bản kinh Pháp Hoa luôn thể hiện được giá trị ưu việt của nó. Học hiểu rõ về tính văn học trong kinh Pháp Hoa, mỗi chúng ta như hiểu thêm những nét văn hóa đặc sắc của người phương Đông, từ đó mở ra nhiều và nhiều hơn nữa những bài học ứng dụng về tính nghệ thuật tính văn hóa vốn là nét nổi bật của bản kinh vào quá trình tìm hiểu văn hóa, tìm hiểu tác phẩm và sáng tác văn học.

2. Trong đời sống tâm linh

Ảnh hưởng của kinh Pháp Hoa trong đời sống thực nghiệm tâm linh của con người, đó là việc trì tụng và công đức to lớn khi trì tụng bộ kinh này. Điều này được minh họa qua một câu chuyện trong Đại Trí Độ Luận về vị Tỳ kheo ít tụng kinh nhưng lại được Bồ Tát Phổ Hiền hộ trì. Câu chuyện này phần nào cũng cho ta thấy rằng ảnh hưởng của kinh Pháp Hoa không chỉ hạn cuộc trên phương diện tư tưởng, mà còn bao hàm cả nếp sống thường nhật của con người. Tất cả mọi hành vi của ta sẽ ảnh hưởng đến vấn đề giải thoát trong tương lai. Nếu hành giả thực hành kinh Pháp Hoa sẽ luôn được chư Phật thọ ký đúng như lời kinh: *“Sau khi đức Như-Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu-Pháp-Liên-Hoa, nhấn đến một câu niệm tùy hỷ đó, ta cũng thọ ký đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác cho.”*

Hay một câu chuyện người thật việc thật về Hòa thượng Trí Hải và Hòa Thượng Trí Quảng. Ôn Trí Hải từng phát nguyện trì 1000 bộ kinh Pháp Hoa, nguyện cầu đất nước hòa bình thống nhất. Khi Ôn trì được 600 bộ thì được như ý. Hòa Thượng Trí Quảng thưa rằng để bản thân hoàn thành 400 bộ còn lại. Có người không hiểu, hỏi Ngài làm sao có thể hoàn thành trong khi Phật sự đa đoan. Mãi sau này có dịp chia sẻ Hòa thượng mới trình bày rõ. Tụng kinh Pháp Hoa không phải là ôm kinh đọc chữ, mà là tu sửa hành vi, mọi ngôn hành cử chỉ đều y theo tinh thần Pháp Hoa, ấy mới là tụng Pháp Hoa. Hơn thế, tụng 400 bộ kinh còn lại thật ra là hạnh nguyện vì đất nước phát triển, Phật giáo hưng long thịnh vượng.

Câu chuyện trên một lần nữa nhấn mạnh tinh thần của Pháp Hoa là hành trì, là ứng dụng, là nhập thế độ đời, không phải tụng kinh suông. Chúng ta là hành giả Pháp Hoa, học nghiên cứu rõ nghĩa lý từng câu từng chữ của Pháp Hoa rồi lấy đó làm đường hướng tu học và hành trì mà sửa đổi từng hành vi nhỏ nhặt trong cuộc sống chính là điều kiện tiên quyết.

Cái thách thức lớn nhất đối với người thọ trì, đọc, tụng Pháp Hoa là chúng ta có thể tin rằng mình là một vị Phật hay không? Chúng ta có đủ sức tin rằng mình rồi sẽ thành Phật? Và rằng mình có đầy đủ các khả tính của một vị Phật? Đây là nội dung chính, là yếu chỉ Nhất Phật thừa (chỉ có một Phật thừa) của toàn bộ kinh, và cũng là những gì cốt tuỷ của kinh. Phải tin bản thân có thể thành Phật mới có thể tiến bước trên con đường tìm cầu giác ngộ. Tiếp đó mới đủ sức để hoằng truyền tinh thần Pháp Hoa, nhập thế cứu đời độ người.

Bỏ lại đằng sau những ngôn ngữ thâm áo của triết học, chúng ta có thể đi vào thế giới nhiệm mầu của Pháp Hoa bằng đức tin kiên cố và lòng thành kính đối với ba ngôi Tam bảo thường trụ trong mười phương. Chúng ta tin tưởng một cách sâu sắc rằng, do túc phước nhiều đời, chúng ta rất may mắn có được cơ hội quý giá là gặp được kinh Pháp Hoa, nghe được kinh Pháp Hoa, và sống tu tập theo những giáo huấn linh diệu của Pháp Hoa.

Chính ở kinh Pháp Hoa, lần đầu tiên chúng ta gặp gỡ và tiếp nhận được giáo nghĩa về một Đức Phật vĩnh hằng và toàn thể ba ngôi Tam bảo thường trụ. Khi dốc lòng thành kính thọ trì, đọc, tụng kinh Pháp Hoa, chúng ta có thể tiến xa hơn nữa trên cuộc hành trình tâm linh của mình, đó là trực tiếp tiếp xúc với Đức Phật và tiếp nhận thánh giáo từ Ngài. Việc này vốn là những điều được Đức Phật xác quyết trong chính bản kinh Pháp Hoa này.

Trên con đường tu tập, điều quan trọng trước hết là nhận diện được chân tướng của tự ngã – cái tôi, cái của tôi, cái tự ngã của tôi. Tự ngã là cái trở ngại lớn nhất làm cho chúng ta không thể vượt qua điều kiện tâm linh của Pháp Hoa, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, và ngồi toà Như Lai. Chính cái tự ngã cá thể tưởng chừng rất mong manh, nhỏ bé, khi ẩn, khi hiện là một thế lực tiêu cực vô hình đẩy chúng ta ra khỏi thế giới an lạc thật sự.

Thế giới thường tịch đó không ở đâu xa, nó ở ngay trước mắt chúng ta, bây giờ và ở đây. Và cũng ngay nơi thế giới thường tịch này, mà đức Thích ca Như Lai Thế Tôn vẫn đang ngày ngày thuyết pháp nhằm giáo hoá chúng sinh. Chính Đức Phật khẳng định rằng, Tịnh độ của ta an ổn, nhưng trong con mắt của chúng sinh điên đảo, lại thấy nó cháy rụi.

Trên con đường đi đến Nhất thừa, xây dựng quyền thuộc Bồ Đề là nhu yếu tâm linh của mỗi hành giả. Quyền thuộc Bồ Đề càng lớn thì thế giới tâm linh càng rộng. Tương tự như thế đối với thế giới thực tại. Mỗi bông hoa là một thế giới, mỗi hạt sương là một thế giới, và mỗi hạt bụi cũng là một thế giới. Đây chính là ý nghĩa chân thật của Pháp Hoa kinh.

3. Trong giáo dục và hoằng truyền Chính pháp

Tìm hiểu về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã giúp chúng ta hiểu được bản hoài thị hiện của Đức Phật không ngoài mục đích *“Khai phát, chỉ thị ngộ tri, chúng nhập Phật tri kiến”*. Đây là một trong những bộ kinh hàm chứa những triết lý thâm thúy nhất của truyền thống Đại Thừa, kinh Pháp Hoa đã sớm trở thành một dòng tư tưởng và là nguồn cảm hứng vô tận cho các nhà Đại Thừa nơi mỗi phương trời khác nhau. Sự hiện hữu của nhiều nguyên bản và dịch bản của bộ kinh này đã phần nào nói lên được vai trò của bộ kinh trên phương diện tư tưởng và văn hóa của Phật giáo và một khía cạnh vô cùng quan trọng: Giáo dục.

Giáo dục là sự truyền thọ kiến thức, đạo đức và kỹ năng cho người khác, khiến người ta thích nghi với cuộc sống, với thiên nhiên và xã hội. Giáo dục còn có nghĩa là khiến cho người ta có khả năng sáng tạo, tự nhận biết mình và phát huy cái tốt vốn có của mình. Giáo dục là nhằm cho con người vươn lên, tiến bộ hơn, phát triển theo chiều hướng tốt hơn và từ đó cộng đồng xã hội được cải tiến, phát triển và ngày càng tiến bộ vượt bậc.

Song song với quá trình giáo dục chính là tư tưởng Đại Thừa với tôn chỉ chủ yếu là đưa chúng sinh từ chốn khổ đau đến nơi an lạc, từ chỗ ác đến chỗ lành, từ bến mê lầm đến bờ giác ngộ. giáo pháp đó vừa lợi mình vừa lợi người mà tư tưởng Pháp Hoa vốn nổi tiếng thể hiện trọn vẹn được tinh thần ấy. Thế nên, nên giáo dục theo tư tưởng Pháp Hoa là một nền giáo dục lý tưởng, không mơ hồ, mà ngược lại vô cùng thiết thực, mang tính tích cực.

Từ ý nghĩa giáo dục, bản kinh Pháp Hoa dạy con người hướng đến hạnh phúc cao thượng hơn,

vượt khỏi sự hệ lụy của vật chất tầm thường. Đối tượng của giáo dục của Pháp Hoa không gì khác hơn là tâm con người. Bản kinh huấn luyện tâm từ chỗ tham, sân phiền não đến chỗ thuần tịnh vô tham, vô sân. Chỉ khi nào tâm được thanh tịnh trong sáng, không còn vô minh phiền não chi phối thì khi ấy hạnh phúc thật sự mới hiển bày. Vì vô minh chấp ngã nên mãi sinh tử khổ đau. Thấy được tính chất duyên sinh vô ngã là thấy được hạnh phúc thật sự. Khi ấy không còn gì có thể làm hệ lụy con người cả. Hạnh phúc chân thật hay giải thoát khổ đau là mục đích tối hậu của giáo dục mà bản kinh Pháp Hoa đem lại.

Từ chỗ giác ngộ, đem đạo lý ấy hướng dẫn chúng sinh tu tập giải thoát, đó là hành bồ tát đạo, là tinh thần Đại Thừa. Kinh Pháp Hoa được mệnh danh là vua các kinh cũng vì tư tưởng ấy. Ngay từ phẩm đầu Phật đã nói rõ mục đích ra đời của chư Phật và xuyên suốt toàn bộ kinh đều đề cập đến phương pháp giáo hoá của chư Phật để đạt được mục đích đó. Có thể nói Kinh Pháp Hoa có vai trò rất lớn đối với giáo lý Đại Thừa Phật giáo. Vì lý do đó mà nhiều người đã chọn kinh này làm pháp môn tu tập cho mình.

Trong quá trình giáo hoá chúng sinh Phật dùng nhiều phương tiện để dìu dắt. Phương pháp giáo hoá bằng cách dùng những ảnh dụ là một trong những cách Phật thường sử dụng trong khi giảng dạy và nó đã trở nên quen thuộc bởi tính hiệu quả của nó. Chỉ bằng một hình ảnh cụ thể nào đó có thể làm cho hội chúng lãnh hội ý nghĩa sâu xa của kinh mà không cần tốn nhiều lời dẫn giải. Đó là tính nổi bậc của phương pháp giáo dục đầy chiều sâu này.

Đó là sự nhiệm mầu của Kinh Pháp Hoa như đoạn kinh đã nói:

“Bên răng ngọc trắng tuôn xá lợi

Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang

Dầu cho tạo tội hơn núi cả

Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng.”

C. KẾT LUẬN

Dõi theo từng bước an lạc của Phật giáo mà dấu ấn để lại luôn là sự hạnh phúc và giác ngộ, ta thấy rõ tư tưởng huyền diệu và vô cùng thanh thoát của Pháp Hoa luôn hiện diện và phát triển. Kinh Pháp Hoa mà cụ thể là bảy câu chuyện với những hình ảnh hấp dẫn, những biện pháp nghệ thuật khéo léo tạo nên sự lôi cuốn cho không chỉ là giới nghiên cứu mà còn để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng mỗi một ai đọc, học, hiểu và hành trì bản kinh cao quý này.

Qua những hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, những thủ pháp tỉ mỉ đã tạo nên bảy thí dụ sống động, hoa mỹ nhưng không kém phần bình dị, thực tế. Thất dụ đã lưu lại trong lòng mỗi chúng ta những ấn tượng sâu sắc, từ đó mở ra cho mỗi người những đóa sen nhỏ làm hành trang tiến bước trên con đường học, hành và hoằng với mong muốn cuối cùng vẫn là sự hạnh phúc cao thượng, sự an yên giải thoát cho mình và cho người từ chính cuộc đời.

Tác giả: **Thích nữ Hiên Liên**

Lớp ThS Khóa V - Học viện PGVN tại TP.HCM

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Định Thích Kiên Định, Lược sử văn học Sanskrit và Hán tạng Phật giáo.
2. Thích Nhất Hạnh, Sen nở trời Phương Ngoại.
3. Nguyễn Hồng (dịch), Nhiếp Đại Thừa luận.
4. Thích Thanh Kiểm, Đại Ý Kinh Pháp Hoa.
5. Trần Tuấn Mẫn (dịch), Đạo Phật Ngày Nay.
6. Trần Tuấn Mẫn (dịch), Một Diễn Dịch Mới Về Ba Bộ Kinh Pháp Hoa.
7. Lê Thị Bắc Lý, Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành.
8. Nguyễn Thích Nữ Nguyễn liên, Thích Nữ Thảo Liên, Thích Nữ Hạnh Liên (dịch), Giá trị văn học trong kinh Phật.
9. Thích Nhật Quang (dịch), Pháp Hoa đề cương.
10. Thích Trí Quang, Kinh Pháp Hoa lược giải.
12. Thích Trí Quảng, Lược Giải Kinh Pháp Hoa.
13. Thích Thiện Siêu, Kinh Pháp Hoa Giữa Các Kinh Điển Đại Thừa.
14. Thích Thiện Siêu, Lược Giảng Kinh Pháp Hoa.
15. Thích Chơn Thiện, Tư Tưởng Kinh Pháp Hoa.
16. Thích Trí Tịnh, Pháp Hoa Kinh Cương Yếu.
17. Thích Trí Tịnh (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.
18. Thích Thiện Trí, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Nghĩa.
19. Thích Thanh Từ, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải.
20. Thích Thành Từ (dịch), Thiền Tông Bản Hạnh.
21. Tuệ Sỹ (dịch), Tinh hoa và Triết học Phật giáo.

CÁC BÀI VIẾT

1. Thích Nữ Nguyễn Liên (dịch), Bài viết Tổng luận về văn học Phật Giáo.
2. Thích Đạo Phong, Tổng quan Pháp Hoa.
<https://phatgiaohanoi.vn/tong-quan-kinh-phap-hoa.html>
3. Thích Trí Quảng, Đừng kết Tịch Môn. <https://giacngo.vn/dung-ket-tich-mon-post56703.html>
4. Thích Trí Quảng, bài pháp thoại ngày 14/05/2017.
5. Thích Đồng Thành, bài viết Kinh Pháp Hoa trong Phật Giáo Ấn Độ và Trung Hoa.
<https://www.daitangkinhvietnam.org/node/4443>
6. Như Thiện, bài viết Tính văn học trong kinh Pháp Hoa qua Thất dụ
7. Thích Tâm Thiện, Tìm hiểu ngôn ngữ kinh tạng Phật giáo.
<https://www.saigon.com/anson/uni/u-ngonngu-kinh/nn-kt22.htm>

CHÚ THÍCH

- Nguyễn Hồng (dịch), Nhiếp Đại Thừa luận, Nxb Đại tạng kinh Tiếng Việt, tr.201.
Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.9.
Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.10.
Thích Kiên Định, Lược sử văn học Sanskrit và Hán tạng Phật giáo, Nxb Thuận Hóa, tr.31.
Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.14.

Xuất Tam Tạng Ký là bản ghi chép nguyên nhân, danh mục các kinh và những bản dịch kinh tạng khác nhau từ thời nhà Hậu Hán đến thời nhà Lương.

Đại Đường Nội Điển Lục còn gọi là nội điển lục, do luật sư Đạo Tuyên biên soạn ghi chép 2847 bộ kinh điển từ đời Đông Hán đến đầu đời Đường.

Chúng Kinh Mục Lục gọi tắt là Kinh lục, là các thứ mục phân loại các kinh luận Hán dịch.

Thích Kiên Định, Lược sử văn học Sanskrit và Hán tạng Phật giáo, Nxb Thuận Hóa, tr.33.

Ba thời kỳ gồm thời kỳ chữ Hán, thời kỳ chữ nôm, thời kỳ chữ quốc ngữ.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.25.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.26.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.20.

Thích Nữ Nguyễn liên, Thích Nữ Thảo Liên, Thích Nữ Hạnh Liên (dịch), Giá trị văn học trong kinh Phật, Nxb Hồng Đức, tr.496 - 497.

Thích Trí Tịnh (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.68.

Thích Trí Tịnh (dịch), Kinh Đại Bát Niết Bàn, Nxb Tôn Giáo, tr.105.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.83.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.11.

Thích Trí Tịnh (dịch), Pháp Hoa Kinh thông nghĩa, tập I, Nxb Tôn Giáo, tr.24.

Thích Thanh Từ (2014), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải, Nxb Tôn Giáo, tr.13.

Thích Thành Từ (dịch), Thiền Tông Bản Hạnh, Nxb Tu Thư Vạn Hạnh, tr.107.

Thích Thiện Siêu (1999), Kinh Pháp Hoa giữa các kinh điển Đại Thừa, Nxb TP HCM, tr.36.

Thích Thiện Siêu (1999), Kinh Pháp Hoa giữa các kinh điển Đại Thừa, Nxb TP HCM, tr.43.

Thích Trí Quảng, bài viết Đùng kẹt Tích Môn, đăng trên Báo Giác Ngộ, ngày 3 tháng 6 năm 2021.

<https://giacngo.vn/dung-ket-tich-mon-post56703.html>

Thích Đạo Phong, bài viết Tổng quan Pháp Hoa, đăng trên trang Phật Giáo Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2019.

Thích Trí Tịnh (dịch), Pháp Hoa Kinh thông nghĩa, Nxb Tôn Giáo, tr.31.

Thích Tâm Thiện, Tìm hiểu ngôn ngữ kinh tạng Phật giáo, đăng trên trang BuddhaSasana ngày 15 tháng 10 năm 2004. <https://www.saijon.com/anson/uni/u-ngonngu-kinh/nn-kt22.htm>

Tuệ Sỹ (dịch), Tinh hoa và Triết học Phật giáo, Nxb Ban tu thư Phật học, Tr.242.

Thích Nữ Nguyễn Liên (dịch), Bài viết Tổng luận về văn học Phật Giáo, tham khảo từ trang mạng Thư viện trường Đại học Phúc Đán Trung Quốc.

Lã Thị Bắc Lý, Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành, Nxb Đại Học Sư Phạm, tr.158.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.67.

Thích Minh Châu (dịch), Kinh Tăng Chi Bộ, Nxb Hồng Đức, tr.217.

Lã Thị Bắc Lý, Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành, Nxb Đại Học Sư Phạm, tr.160.

Thích Nữ Nguyễn liên, Thích Nữ Thảo Liên, Thích Nữ Hạnh Liên (dịch), Giá trị văn học trong kinh Phật, Nxb Hồng Đức, tr.502.

Như Thiện, bài viết Tính văn học trong kinh Pháp Hoa qua Thất dụ, đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật giáo số 373.

Thích Nữ Nguyễn liên, Thích Nữ Thảo Liên, Thích Nữ Hạnh Liên (dịch), Giá trị văn học trong

kinh Phật, Nxb Hồng Đức, tr.498.

Thích Nữ Nguyễn liên, Thích Nữ Thảo Liên, Thích Nữ Hạnh Liên (dịch), Giá trị văn học trong kinh Phật, Nxb Hồng Đức, tr.497.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.121.

Thích Nữ Nguyễn liên, Thích Nữ Thảo Liên, Thích Nữ Hạnh Liên (dịch), Giá trị văn học trong kinh Phật, Nxb Hồng Đức, tr.502.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.181.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.409.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.141.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.185.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.283.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.68.

Thích Thiện Siêu (1999), Kinh Pháp Hoa giữa các kinh điển Đại Thừa, Nxb TP HCM, tr.143.

Nguyễn Hữu Vinh, Trần Đình Hoàn (chú thích, viết lại), Cư Trần Lạc Đạo Phú, Nxb Hà Nội, tr.72.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.158.

Thích Trí Tịnh (dịch), Pháp Hoa Kinh thông nghĩa, tập I, Nxb Tôn Giáo, tr.225.

Thích Trí Quang, Kinh Pháp Hoa lược giải, Nxb Tôn Giáo, tr.288-289.

Thích Trí Tịnh (dịch), Pháp Hoa Kinh thông nghĩa, tập II, Nxb Tôn Giáo, tr.325.

Thích Nhật Quang, Pháp Hoa đề cương, Nxb TP.HCM, tr.41.

Thích Trí Quang, Kinh Pháp Hoa lược giải, Nxb Tôn giáo, tr.292.

Thích Trí Quang, Kinh Pháp Hoa lược giải, Nxb Tôn giáo, tr. 289.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.203.

Thích Thiện Siêu (1999), Kinh Pháp Hoa giữa các kinh điển Đại Thừa, Nxb TP HCM, tr.200.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.420.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.326.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.307.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.247.

Thích Trí Quảng, Lược giảng kinh Pháp Hoa, Nxb TP HCM, tr.221.

Thích Đồng Thành, bài viết Kinh Pháp Hoa trong Phật Giáo Ấn Độ và Trung Hoa, đăng trên trang Đại Tạng kinh Việt Nam, ngày 26 tháng 3 năm 2010.

<https://www.daitangkinhvietnam.org/node/4443>

Thích Đồng Thành, sđd.

Thích Thiện Siêu, Đại Trí Độ Luận, tập I, Nxb Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, tr.303.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.421.

Thích Trí Quảng, bài pháp thoại ngày 14/05/2017.

Nghĩa là tu tập tâm hạnh từ bi, tu tập hạnh nhu hoà nhẫn nhục, an trú pháp Không.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.559.

Thích Trí Tịnh dịch (dịch), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo, tr.68.